

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ nhiệm: Nguyễn-năng-Quốc  
Chủ tịch hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-lý: Cung-đình-Bính

Chủ bút: Phan-chung-Thứ  
Sư cụ chùa Bằng-ở  
Phó chủ bút: Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO: Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

## KÍNH CAO

### CÁC NGÀI ĐỘC GIẢ ĐUỐC TUỆ

Kể từ ngày 10 Janvier 1939 trở đi bản báo dùng toàn Biên-lai mới (ở chỗ răng cưa, có chữ Đuốc-Tuệ lối chữ cổ tự và dấu hiệu Đuốc-Tuệ; và chữ ký của thủ quỹ riêng Đuốc-Tuệ) là sự ông Nguyễn-thanh-Lai ký.

Các biên lai cũ từ nay không dùng nữa. Nếu vị nào giả tiền sau ngày 10 Janvier 1939, xin xem kỹ biên-lai cho đúng, nếu không có biên lai như trên, bản báo vẫn coi là chưa giả. Xin các ngài chú ý cho.

Xin các ngài Đại-lý các ông phái viên thư bết các biên lai cũ về ngày cả cho.

Bản báo còn lại mấy số báo : từ số 76 đến số 99 vừa đủ một năm 24 số, 1er Janvier đến 15 Décembre 1938. Nay đã đóng thành tập vị nào lại báo quá mua xiu tính 1\$50 (cả tập) ở xa thêm 0\$30.

Cả 24 số không đóng 1p20 ở xa 1p30. Đuốc-Tuệ

### *Diễn Kịch*

Chi hội Phật-giáo Hải-dương đã luyện thành một ban Diễn kịch, các Tài-tử toàn là các nhà thân hào cùng các Viên-chức trong Thành phố lại là hội viên trong hội cả, mục đích để giúp các việc công đức các việc từ thiện cùng các việc nghĩa diễn những bản hát có tính cách luyện truyền Giáo-lý, khuyến thiện khuyến tu, các Tài-tử trong ban đều tận tâm vì đạo gia công luyện tập đã lọt được những tinh thần các vai trong vở.

Nay hội đã được phép đem ban hát đi diễn các Phủ Huyện thuộc bản tỉnh Hải-dương để trước là tuyên dương giáo lý, khuyến hóa nhân tâm, sau lấy tiền để mở man các việc công ích về chấn hưng Phật-giáo. Công cuộc hiệp đồng tiến hành, đi đến đâu được công chúng hoan nghênh lắm, xem ra rất có ảnh hưởng đối với mục đích việc làm.

Chánh Thư-ký

Chi Hội Phật-giáo Hải-dương

**CÔNG CHÂN**

# Duốc-Tuệ

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

## ĐỒ MÃ

(CỦA NHÀN-VĂN-ĐÌNH TRẦN DUY-VÔN)

Nước nào cũng thế, văn-minh đã tiến lên bao nhiêu, thì dã-man phải sụt-lùi xuống chừng ấy, đó cũng là một cái công-lệ của trò thiên-diễn vậy. Nước ta lâu nay hấp-lộ được những phong-trào mới từ bên Âu bên Mỹ truyền sang, dân-trí ngày một mở-mang, đối với giấc mộng mơ màng mê-maội nghìn xưa, hiện cũng đã đổi ba phần cất rớt cái màng vô-minh mà đưa làm con mắt mở rộng lên con đường giác-ngộ. Tức như một việc hó-hào lây-lây đồ mã, đủ làm cho ta chứng-nghiệm.

Cái thuyết mới mẻ ấy không một hội Bắc-kỳ Phật-giáo thủ-trương trên mấy tờ Đuốc tuệ đâu. Trước hết là Chử Thiếu Vi văn-Định thi-hành ở hạt Thái-bình. Và năm Ch33, sau hồi chỉnh-hiến cái-cách ở Huế, Nam-triều cũng có một thói đồ mã về việc lễ-tự. Hiện nay các báo cũng đã bắt đầu nói tới việc này. Tức cổ-động muốn bài-trừ kỳ tới kết-quả.

Nguyễn nước Tàu về đời thượng-cò, người chết thì đem củi bó lại rồi lảng giữa bông-sông bông-quanh, không phong phân, không cây làm ghi (dịch). Đến đời vua Hoàng đế (2679, trước tây lịch) cử ông Xích-Tương làm Mộc-chính, mới chế ra quan-quách (Sử ký).

Cái lễ đối với người chết, ngày một thêm hậu, nhà Hạ (2205, Tr. T. L.) lại nặn đất nógi làm cô-bàn, lấy tre và gỗ làm các khi-cụ như đàn sáo, chuông, khánh, v. v. gọi là Minh-khi để chôn theo với người chết, nên cũng gọi là Quỷ-khi là cái đồ dùng của thần minh ma quỷ. (Lễ ký). Nguyễn lai dùng đồ mã là tự đó.

Thay nhà Hạ là nhà Ân, (1765, Tr. T. L.) đời này lại thượng-chất mà không thượng-trung như trước, vì thế không chôn Minh khi mà lại chôn Tể khi là đồ thật cả. (Lễ-ký).

Số người sinh-sản càng ngày càng nhiều, các thứ thực dụng cần phải đề cung-đốn cho người sống. Vì thế nhà Châu (1122, Tr. T. L.) lại phải chia làm hai bậc, quý và tiện. Bậc quý là Đại-phu lên đến Thiên-lữ, được dùng cả Quỷ-khi và Tể-khi. Bậc tiện là sĩ-phu xuống đến thứ-dân, thì chỉ được dùng một Quỷ-khi. (Cháu-lễ).

Chán cho cái chính-thể quân-chủ áp-chế ở Triều Châu, tiết kiệm thì bắt dân phải theo Hạ-lễ, mà tự người trên lại thêm xa hoa tàn nhẫn. Thậm chí bình-nhật vua mà yêu vợ nào, quý con nào, kẻ thị-lựng nào sau khi vua chết là đều bị chôn sống theo vua, gọi là Tuấn-táng. Tục này không một thiên-lữ, các vua chư hầu cũng đều thế cả.

Tả truyện có chép : « Năm Văn-công thứ 6, Tần Mục-công là Hiếu-nhân chết, ba anh em họ Tử-xa bị chôn sống. Người nước tổ lòng thương, nhân làm ra thơ Hoánv-điều ». Hoánv-điều thuộc về Tần-phong, trong thơ đại-khai nói : « Ai theo Mục công mà chết ? ba anh em họ Tử-xa là Yêm lức, Trọng-hành và Châm hổ, ba người mà tai-diệt gặp trăm nghìn người Trời ơi ! Sao nữ giết sống. Phóng mà chuộc được, ba trăm người chúng tôi xin vui

về chết thay ».

Ôi đã mhan còn gì bằng ! người đời đã biết cái thói chôn sống người là vô-nhân-đạo, mà phải gào trời như thế, lẽ tất-nhiên là phải tìm vật khác thay vào. Nhân mới chế ra Sô linh là một thứ người làm bằng gỗ.

Bằng gỗ thì không có gì là mỹ thuật, nhân lại chế ra bằng gỗ là Mộc-ngẫu, hay gọi là Dũng. Liệt-lử thiên-khang vấn chép : « Mộc-ngẫu có từ đời Châu Mục-vương (1001, Tr. T. L.) do người tên là Yền-sư chế ra.

Ắc cảm với người gỗ đờc Khổng có bảo : « kẻ nào tạo ra bờ đìn là bất nhân ». (Lễ ký vi dũng giả bất nhân). Thầy Mạnh lại cũng bảo : « Ai dùng bờ đìn là người tuyệt tự ». (Mạnh lữ tác dũng giả ký vô hậu hồ).

Đời Hán trở lại, những phái thượng-lưu tri-thức ai cũng công-nhận đờc Khổng thầy Mạnh là ông thầy hướng đạo về Nho-giáo. Với việc làm Mộc-ngẫu để cung người chết, hai ngài đã cự tuyệt bằng lời đau đớn thâm-thiết, thì ai còn dùng cái trò xấu-xa ấy nữa.

Thói lại quay về cái đời dùng đồ thực cả, thì lì rằng thiếp, tiền bạc, đồ ăn thức chơi, là đều đưa ra mộ. Song người không tuân tưng, cho lưu cư ở đó. Muốn nghi-tệ hơn, trên mộ lại đục Phỗng đá, voi đá và dê đá để thờ.

Tới Hán Hòa-đế năm Nguyên-hưng nguyên niên (105) ông Thái-Luân bắt đầu lấy vỏ cây gío và rễ rách lười rách chế ra vàng bạc. (Hán-ký). Vì đã có giấy, ông Vương-Dư lại chế ra vàng bạc tiền giấy để thay tiền thật trong lúc tang ma tế tự

Pháp-uyền châu lâm chép : « tiền giấy xuất tự quan Trương-sử nhà Đường là Vương-Dư dùng để tế tự ». Truyền ông Vương-Dư ở Đường thư có nói : « từ đời Hán trong việc tang ma vẫn dùng tiền thật chôn với người chết, tới nay Vương-Dư mới dùng tiền giấy ». Thông giám cương mục cũng chép : « đời Đường Huyền tôn năm Khai-nguyên 26 (737) vì nhà vua mê thuật quỷ-thần,

dùng Vương-Dur làm Thái-thượng bác-sĩ coi việc thiêu đốt tiền giấy trong khi cúng lễ ».

Tiền giấy đã có, thì chẳng quít cou sen bằng giấy cũng có, đây là món thay cho người gỗ hay người sống mà gọi « hình-nhân thể-mạnh ». Không những thế, lại trăm nghìn vật khác bằng giấy cũng gọi là Minh-khi mà đồng thời xuất-hiện. Mê-mau, thành thử toàn-thể dân Tàu đua-chạy đồ mã.

Lúc đó Phật-giáo hiện dương thịnh-hành ở Tàu, người Tàu tìm cách lợi-dụng cho mã được phổ cập. Nhân ngày tự tứ là 15 tháng 7, tục nước lễ Trung nguyên, nhà sư là Đạo-tạng vào triều yết kiến vua Đườn; Đại-lớn (762) mà rằng : « Tôi nghe hôm nay là ngày vua Diêm-vương ở Âm giới xét định họa phúc cho các tội-phạm, xin bệ-hạ thông sắc dân gian phải dùng Minh-cụ là các đồ mã, khẩn rỗi đốt đi để vong-nhân dùng ». (Kinh Đạo-tạng). Thế là đồ mã chiến-thắng cả hai tôn-giáo mà đưa chân-lý vào xuống vực sâu vô-dễ vậy.

Không lâu, với đồ mã người Tàu lại có ý chán, hàng mã không tiêu mấy, cái nghề gia truyền của họ Vương gần bị thất nghiệp. Bởi đó con cháu họ Vương phải hết sức chấn-hưng Sách Trục-ngôn cảnh-giáo chép : « Vương Luân dòng dõi Vương-Dur là nhà làm đồ mã ở đời Ấn đế. (948) vì muốn cho khỏi nổi ế hàng, liền thông mưu với một người bạn bằng kẻ bí mật. Số là người bạn giả cách đau ốm cho lân-bàng đều biết, năm ba hôm sau có tin báo là chết, hiện đã bỏ vào quan-tài chỉ đợi ngày tốt là an táng. Kỳ thực người ấy vẫn sống mà khỏe, tuy ở trong quan nhưng vẫn có lỗ trống để thở, và đưa cơm nước ăn uống. Gần ngày cất đám, Vương-Luân đưa vàng bạc mũ mã và hình-nhân đến lễ tam-phủ cầu cho người bạn hồi-hồn sống lại. Chà chà linh thay ! Quan tài tự nhiên động làm cho ai nấy mười mắt trông một. Mở ra, người bạn quả lại sống. Cám ơn Vương-Luân, người ấy thuật lại cho công-chúng biết là Chư vị âm-thần đã nhận được đồ mã, rồi liền thả ba hồn bầy vía cho về. Từ đó đồ mã lại

thêm nước tiêng »

Đó là lập tục của Tàu, song nước ta từ đời họ Khúc (906) về trước vẫn thuộc dưới quyền Đê-hộ của họ. Vì thế phong tục Tàu những gì, bất tiện hay dở phải trái ta cũng đua theo miễn-cưỡng bó buộc. Nhưng nay thời thế đổi thay, phong hội có khác, có các nhà trí-thức đứng ra hô hào như trên đã nói, chúng ta còn du dự chi mà chẳng cùng nhau hưởng ứng, thối hẳn cái hủ-tục dùng đồ mã ầy đi.

Phải biết, đồ mã chính Khổng phu tử cũng không dùng nên ngài phải nói những câu « bất-nhân, bất-tri » để phàn-ngu cho hậu học (Lễ ký). Phật giáo cũng thế, Phật-tử bảo thầy Đại-mục kiện-liên về việc 15 tháng 7 kỳ-nguyên cho thất thế phụ mẫu, chỉ nói đùn, đồ thật cúng giáng chư-lăng, nào có nói gì đồ mã. (Kinh Vu-lan-Bồn). Vậy bà con ta vẫn tự khoe là đệ tử họ Khổng, tin đồ nhà Phật, mà lại dùng cái lễ các ngài không dùng, thế có nên không ?

## Vì vợ mà chồng được gặp Phật

(tiếp theo và hết)

Bấy giờ anh ta nghĩ trong bụng rằng : Con này nó đã tin kính Phật, tất nó sinh ra bè đảng, vậy nếu không giữ nó lại thì việc này nó lại lộ mất, nghĩ xong anh ta cho người bắt vợ đem giam ở trong buồng kín không cho ra vào nữa, lập tức anh ta lại cho tìm ngay bọn tà đạo cùng các đồ đảng lại giúp đỡ sửa bày biện nhà cửa bàn ghế rất trang nghiêm lịch sự, khi xong tất cả bọn ngoại đạo lên trên một cái nhà gác lấy làm tự đắc, vui cười khìu khích nói với nhau rằng : Hôm nay ông Cù-dâm thật hết khôn, không chết cháy thì cũng chết về thuốc độc, dù có mọc mấy cánh cũng không thể thoát khỏi vòng nguy hiểm được.

Thi-ly xem đã đến giờ bèn sai người đi đón Phật. Bấy

giờ ông thần ở nhà Thi-Ly thấy thế lấy làm xấu não khổ, sờ, xù xựt khốc lóc rất là thân thiết thương cho hết thấy chúng sinh mất nơi nương tựa, mắt thầy chỉ đường dẫn lối, nếu hôm nay Phật bị hại ở đây thì hết thầy các vị thần linh trong tam giới đều trách móc ta, chê cười ta ở nhà này mà không ngăn cấm. Kẻ tàn bạo độc ác ấy sống làm gì, mà ta còn mắt mũi nào trông thấy các vị thần linh kia nữa, bèn hiện thân đến bạch Phật xin Phật đừng đi.

Phật nói nay ta vì tấm lòng từ bi muốn độ cho lũ ngu mê bị bệnh ma quỷ nó làm cho khổ não ta cần phải đến để cứu độ cho giải thoát, thì mới yên lòng. Phật bèn gọi ngài Át-nan và ông La-hầu-la, ông Nan-đà cùng các tỉ-khiêu mang bình bát đi hầu, khi bước chân ra, các quỷ thần thấy trong nhà thi ly đặt hố lửa cùng thuốc độc, lấy làm lo ngại hiện lên lễ Phật, bạch Phật xin Phật đừng đi, vì bọn kia chỉ định hại Phật chứ không phải có lòng thành kính, tuy Phật không tiếc gì thân. Song vì độ chúng sinh xin Phật nên ở lại, để độ cho những người chưa được Phật độ cho. Bấy giờ biết rõ rồi, song Phật hỏi thử lại rằng : Vì lẽ gì mà không nên đi ?

— Lấy Phật ở ngõ nhà nó đặt hố lửa, trong nhà thờ ăn đều có thuốc độc giả danh cúng phật, chỉ định hại phật. Sự đó có chi là lo ngại cái lửa tham độc ngu si khó dẹp thế nào mà nay ta cũng đã lấy nước tri tuệ dập tắt đã lâu rồi, huống chi là lửa ở thế gian có mùi gì mà sợ, hại ta thế nào được, khi phật đến nơi cứ vào thẳng cửa dữa, gần đến hố lửa, vợ Thi ly nghe tiếng, trong lòng hối rồi sợ hãi huồn rầu khổ não lắm, mà bọn ni kiền trông thấy Phật vào mừng rỡ cống quít lấy làm đặc sách, không khác chi đàn chim gặp được miếng thịt người chết, chắc mắt thế nào cũng được bữa thỏa dạ, khi Phật bước chân lên mặt hố lửa tức biến thành ao nước trong sạch mát mẻ, hoa sen mọc đầy cả ao, mùi hương sực nức chiếc nào cũng trọn vẹn đủ nghìn cánh, tươi tốt đẹp đẽ lạ



thường.

Thi-ly thấy thế, trong lòng sợ hãi quay lại hỏi Phú-na-la rằng : trước thầy vẫn bảo đề thầy đấu trí với Phật nay xin thầy chớ nói lời ấy nữa.

— Anh chớ tưởng nhầm, anh chớ mê hoặc kéo bị ông Cà-dám làm chước giả giỏi để lừa người làm rối lòng người đấy.

- Thế đấy là chước giỏi thật à ?

- Phải : Đấy đúng là chước giỏi đấy ?

- Thế thầy có phải là bậc đại trí tuệ không ?

- Chính ta là người trí-tuệ hoàn toàn, hiểu biết mọi sự việc gì cũng biết cũng làm được.

- Nếu quả thầy là bậc đại trí tuệ biết đấy là chước giỏi, sao lúc trước thầy không làm.

Phu-na-la lặng yên sáu hồ đồ mặt lên vôi vàng lẫn mắt cả bọn cũng theo chân nổi, bấy giờ Thi-ly hỏi hạn lâm. trong bụng nghĩ rằng : Trước kia vợ ta đã bảo ta mà ta không nghe nay hỏi lại cũng không thể kịp nữa rồi. Bấy giờ chỉ còn cách cả hai người cùng ra lễ Phật sám hối Phật, phật xá cho là phúc. Nghĩ rồi vôi vàng vào mở cửa cho vợ ra, nói với vợ rằng : Em thật là phúc đức trí tuệ sớm biết kính phụng Phật, hỏi anh ngu si, thờ bọn tà đạo nếu mới bị khổ, bấy giờ em nên mau mau ra lễ chúng ta cùng nhau lễ bái cúng dàng Phật, cùng các chư tăng, nài nghe xong tin nghĩ rằng người ngu si kia, đem lòng hại Phật, nay lại lừa dối ta, nài cứ ngồi xui xýt khóc và lại bảo chớ rằng : Tôi biết anh rồi, anh thấy tôi ảo não trong tâm anh lại lừa giỏi tôi đấy chứ gì, bấy giờ tôi còn mặt mũi nào mà giáng ra trông thấy Phật được ?

- Khi đồ đảng các anh hội họp có khác chi lũ hoàng trùng, ngọn lửa ta kiến cháy mạnh quá, làm tắt cả ngọn đèn trí tuệ của dòng dõi họ Thích.

- Thế em không biết pháp lực cao cường thấu thông quảng đại của Phật ư ? mà em lại nói thế ! Hết thầy thế

gian có thứ lửa gì đốt được Phật đâu. hào quang Phật chiếu tới ánh sáng mặt trời mặt giăng dĩa hóa ra dom đóm cả. Phật phá các ngoại đạo như giao chặt xuống nước không có chi là vương vấp cả, Phật vào hố lửa hóa ra ao sea. thật là ở thế gian hiếm có. Người vợ nghe rồi trong lòng vui vẻ nét mặt tươi cười, vừa bước chân ra đã trông thấy Phật, vội vàng ra lễ dưới chân Phật, rồi quỳ xuống bạch rằng : Được trông thấy Phật, hết thấy mọi người, đều là kính lìn, nay con có phúc được trông thấy Phật, xin Phật mở lòng thương con mà khai hóa cho, chớ đag con biết rõ đường tà ngộ chính. khỏi bị lạc vào hầm ma ngũ quý, bấy giờ người vợ lại sai người bầy các đồ cúng, dâng lên cúng Phật Phật cho chư tăng ngồi chính tề rồi cho gọi Thi ly vào, chàng khóc nức nức nói rằng .

Con trót dại nghe bọn tà đạo, tạo ra hố lửa để hại Phật, nay con còn mặt nào mà giám vào trông thấy Phật.

— Vợ bảo chồng rằng : Anh không nên tưởng nhầm, sinh lòng nghi hoặc hết chư Phật không hề có hiểm nạn bao giờ.

Pháp của chư Phật, cũng như tay giờ lên hư không, không hề xúc phạm nhiễm trược vào đâu cả. Phật coi hết thấy chúng sinh yên như con một, một lòng từ bi bình-đẳng coi kẻ oán thù như người thân thích, anh không nên sợ hãi, anh cứ ra đi, bấy giờ Thi-ly sợ hãi thẹn hổ hết sức, mình run như dế khi theo vợ ra trông thấy Phật, bèn quỳ xuống lễ rồi kêu khóc rất là thảm thiết, bạch với Phật rằng : Lấy đức Thế-tôn, thà rằng con ôm lấy lửa cháy, hay rắn độc giữ, chứ con thề hết cả đời không giám gần gũi những bạn bè độc ác nữa, chỉ vì trước con cứ gần bọn họ, mà bị rắn độc cắn khờ. nay con xin quỳ y theo Phật, xin Phật mở lòng thương xót tế độ cho con nay con xin rớt lòng chí thành sám hối.

— Người đừng sợ, cứ rậy đi rậy đi, ta không giận đâu, từ trước đến nay ta bị bao nhiêu người hãm hại tàn sát

mà ta đã độ cho giải thoát cả rồi.

Bấy giờ chàng mới yên tâm đứng dậy rồi chấp tay bạch Phật rằng : « Xin Phật thứ cho một chút để chúng con đi làm cơm khác cúng Phật.

— Bấy giờ đến giờ ăn của ta rồi.

— Lấy Phật con là kẻ ngu si, con là kẻ có tội, cái tội của con đã trót làm đến nỗi người đi săn bắn, cùng phường mổ giết cũng không bán, con trót đun thuốc độc hòa vào thức ăn.

— Người không ngại, người đừng sợ, đến như bà Tu cát long-vương, khi dạn dũ mạnh nhất, đem chất độc hai ta cũng không hề chi.

Bấy giờ thi-ly cho đem cơm cúng Phật nói rằng : nay con đem cơm có thuốc độc dâng cúng Phật nhờ công đức Phật diệt trừ ba thứ độc rồi khi ăn rồi mong cho lòng con được yên tĩnh.

Phật bảo các vị tỉ khiêu đợi xướng tăng bát rồi sẽ ăn. Khi xướng xong chư tăng thu trai đều yên ổn cả, Thi-ly lại càng kính tin bội phần càng sinh lòng vui vẻ, ăn cơm xong Phật bèn thuyết pháp cho nghe, chàng liền giác ngộ ra lẽ Phật dạy bài kệ rằng : con qua chỗ ngu si, vượt khỏi bể ta kiến, không sợ vào đường xấu, con sai vào nhà tối, gặp Phật được sáng tỏ, con sắp vào đồng lữ, lại được ao trong mát, Phật là bậc Đại-nhân, pháp là bể trong sạch, công đức khôn kể siết, nay con nói đại ý, chính con định đầu độc, mà thành vị cam lộ, đưa chanh nên mất của, con lại được lợi ích, thấy Phật được gần Phật, mắt trí tuệ mở rõ, được trông thấy chính đạo.

TRÍ-HẢI

### Chúng tôi đi Cao-miền

Sau tuần diễn giảng lối 1-11 năm Mậu dần, tại hội quán Trung-ương chùa Quán-sứ, chúng tôi tạm biệt các

giáo hữu hội Phật-giáo Bắc-kỳ, sớm ngày 2 chúng tôi ra ga Hanoi đi chuyển xe lửa 6 giờ sáng, tiễn chân chúng tôi có sư cụ Đàm Cồn, sư ông Tri-Hải, ông Nguyễn hữu-Kha trưởng ban hộ niệm và 30 anh em học sinh hai trường Phật học, đến giờ chúng tôi lên tàu trông xuống, các vị đứng dưới trông lên, bánh xe vô tình hình như nó cũng bấu khoăn về cuộc Bắc Nam xa cách chuyên đi chuyên lại mãi rồi mới chạy. chúng tôi trông theo các vị, trong trí nảy ra cảm tình vô hạn, gặp buổi mưa phùn gió bắc trông ra mù mịt đầy trời, 11 giờ tàu tới Thanh-hóa, chúng tôi vào chùa Đào-viên thăm cụ Tăng-cang Hội-dồng, cụ là một nhà khoa cử lão thành xuất gia, có nhiệt tâm về công cuộc chấn hưng Phật-giáo, Cụ đi vắng, có Sư ông Liên nguyên học sinh trường Sở nhà, đón tiếp chúng tôi anh em tay bắt mặt mừng một chén thuyền tra, mấy trảng tâm sự, trong nhà phượng trưng có nhiều đôi liễn của các bậc Sĩ-phu đề tặng, tôi theo ý nghĩa mấy câu ấy mà dịch thành câu Quốc-âm sau này :

*Bà mươi năm Chính-trị vẫy vùng,*

*hai chữ sắc không sư xóm lĩnh.*

*Bảy chục tuổi nho, thuyền, lừng lẫy,*

*mấy điều qui giới Phật còn ghi.*

Theo lệ thường chùa ấy, trai ngọ song, sư ông Liên dẫn chúng tôi vào nhà thương thăm các bệnh nhân trong bệnh viện, rồi ra thăm chùa mật-sơn, vị trụ-trì là một vị Tăng-cang người Huế, chùa này đang sửa soạn sắp mở trường-kỳ, văn cảnh song, chúng tôi lại về chùa Đào-viên sửa soạn ra ga đón tàu 7 giờ tối tốc bánh vô Huế, 6 giờ sáng ngày 3-11 ta tàu tới ga Huế, chúng tôi vừa bước xuống tàu đã thấy thầy viên-hồng và thầy Đạo-dám ra đón chúng tôi, hai thầy dẫn chúng tôi về chùa Thiên-minh đường Nam-giáo, chúng tôi vừa tới chùa đã thấy thầy Tăng-cang Chính-thống thầy Mật-thê, thầy

Quảng-huệ lại tiếp chúng tôi ở Huế chỉ có hai ngày, nên các thầy dùng xe hơi của ngài Tôn-thất-Tùng đưa chúng tôi đi xem các lăng tâm-cung-điện, các trường Phật-học, và các nơi kỳ quan danh thắng ở chốn Thần-kinh, trong hai ngày chúng tôi được mục kích cái cảnh sắc sông Hương núi ngự, phần thiên nhiên và phần nhân tạo, thực không bút mực nào tả hết, nói tóm lại đất Thần-kinh có cái khoái lạc êm đềm, nó không rộn rịp phù hoa như Hanoi, 5 giờ sáng mồng 5-11 ta, các thầy lại đưa chúng tôi ra ga đáp tàu vào Saigon, trời vẫn mưa, tàu đi như thường, đến nửa đêm tôi cây số 1278 thời hành khách phải xuống đi bộ chừng 500 thước, 10 giờ sáng ngày 6-11 tàu tới ga Saigon, chúng tôi lại nhà ông tham Thắng nghỉ ngơi tại trọ, 3 giờ chiều chúng tôi lại chùa Linh-sơn là tòa soạn tạp chí Từ-bi-âm. Ông Trần-nguyên-Chấn ra tiếp chúng tôi và nói rằng: có hai thầy ở Cao miên ra đây đón chúng tôi, chờ không thấy lại về rồi, và có dặn ông ở đây chờ đón họ, kể đến có ngài Hòa-hương Lê-phước-Chí, ngài Liên-Tôn ra tiếp chúng tôi đi xem pháp-bảo phùng, hơn hồi Phật-giao Bắc-kỳ ta có bộ đại tạng và tục-tạng, buổi sáng ngày mồng 7-11 chúng tôi đi xem vườn bách thú và thành phố Saigon, buổi chiều chúng tôi đi xem chùa Hải-ấn là trường học của Ni-cô. Diệu-tịnh, 5 giờ sáng ngày 8-11, chúng tôi ra hững ô-tô lấy vé đi Nam-vang. đường đi dài hơn 300 cây số, qua tỉnh xoài xiêng qua một cái phá sóng lớn, ngồi trên ô-tô trông xuống đã thấy pháp-phời lữ lượt áo vàng ó trắng. đó là các vị sư Cao miên đi khất thực, 12 giờ trưa ô-tô tới tỉnh lỵ Nam-vang, là nơi thủ-tô của vua Cao miên. tỉnh thành đóng theo dọc sông Mê-công, phố xá rộng rãi và sạch sẽ, chúng tôi thuê xe vào chùa Sùng-phước là chùa của người Annam tu theo lối Cao-miên, có chừng hơn 40 vị sư và các ông cử sĩ bốn đạo chùa này được tin từ trước ra đón tiếp chúng tôi, chùa này là tòa soạn của tạp-chí ánh sáng Phật pháp, chùa làm theo kiểu

tàu khá to, song lối thờ tự thời đó với xứ ta khác hẳn, các sư thời theo lối Tiều-thừa, còn ở thời mỗi vị một cái nhà sàn rộng bằng hơn một gian nhà của ta, người bản xứ gọi là cái cốc làm ở ngoài vườn, chung quanh có nhiều cây, ở dưới lại xen có một xây của người chết, các ông cư sĩ hỏi chúng tôi hai ngài độ chay hay độ mậu ? chúng tôi nói: chúng tôi vẫn ăn cơm với dầu quen, rồi các ông ấy về mang cơm và tương tần đậu phụ ra cho chúng tôi, hiện nay cứ mỗi ngày hai bữa các ông ấy đưa ra cũng chúng tôi như thường, khi hậu ở đây kỳ này vẫn nông như như tháng 6, 7 ở bên ta cho nên rau dưa rất hiếm.

### Tình hình Phật-Giáo Cao-miền

Nước Cao-miền cũng như nước Siêm-la nước Ai-lao, lấy Phật-giáo làm nền quốc giáo, từ vua chi dân đã là con giai thời ai ai cũng phải đi tu thời kỳ ít lâu tùy ý, nếu ai không đi tu thời sự hôn thú rất khó, nói về phần Tôn-giáo thời Cao-miền trực tiếp với Tiều-thừa Phật-giáo Tích-lan, mà vẫn tự mỹ thuật của Cao-miền phỏng theo của Ấn-độ, không có xúc tiếp hấp thụ một thứ học thuật văn hóa nào khác nữa, cho nên đối với Tiều-thừa Phật-học vẫn giữ được nguyên chất như xưa, còn nói về cái diệu kế của nhà chánh-trị thời dân Cao-miền ở về xứ nông da đen tâu khi họ hung tợn, nếu họ không được thụ cái giáo-bóa từ bi qua một thời kỳ, thời sự hung ác của họ không biết đâu là chừng, hiện nay những người thường sây ra những tằm thắm kịch xay rượu giết người là thường, cho nên nhà vua muốn đem đạo từ bi mà cảm hóa cho nhân dân, thời nhà vua phải thực hành trước, để làm gương cho dân theo đối với quốc dân Cao-miền tăng chúng chiếm một địa vị cao nhất, họ thực hành cầu Phật qua khư tăng hiện tại, hiện nay vẫn có một ông vua Sãi, dù cho nhà vua muốn cất một ngôi chùa mới, bắt làm lại một ngôi chùa cũ, cũng phải xin phép ông vua Sãi, bốn phận sự

là chúc tụng cầu phúc cho quốc dân, bốn phật dân phải chăm chỉ cúng dàng các sư, mọi sự ăn uống cần dùng, nước Cao-miền nhỏ hơn nước ta nhiều, mà hiện nay có ba mươi sáu nghìn (36.000) vị sư, thuần đi khắp thực, mà dân Cao-miền những hạng vô gia đình rất nhiều, chung quanh thành phố Nam-vang chúng tôi nhận ra mỗi một nhà có gia đình hằng ngày phải lo nuôi sống lấy hai vị sư lại còn phải lo cúng những lễ áo Cà-sa quý giá nữa. mỗi ông ba tấm, mỗi tấm mười đồng bạc giở lên, chả bù với nước ta các sư làm lấy mà ăn. thế mà còn có nhiều người tặng cho là kỳ sinh trùng của xã-hội.

Có một đấng ngạc nhiên là nhân dân có người già bảy tám mươi tuổi, vào chùa hay gặp sư ở đờng quý xuống lấy, mà tự sư ấy cứ điềm nhiên không nói câu gì, đầu cũng không gật, mà người lấy kia cũng không lấy thế làm phân nản, vờn cứ gia công lấy mãi, một hôm tôi hỏi mấy ông sư; người ta lễ các ông sao các ông không đáp lễ? như thế người Annam chúng tôi cho là khiếm nhã kiêu mạn, các ông ấy giả như rằng: chúng tôi vận sắc vàng, bình tượng chúng tôi cũng như bình tượng chư Phật, người ta lấy chúng tôi tức là lấy Phật, thế ông thử coi người ta lấy Phật, tượng Phật có nói năng và gật đầu không? tôi nói người ta lấy tượng Phật, tuy Phật không gật đầu, nhưng già có kẻ nào vô đạo đánh đập tượng, hay có vị Bồ-tát phá chấp như ngài Đâu-bà mà mang đốt tượng Phật đi, thời tượng ấy cũng không dạn, như bây giờ tôi thử hỏi các ông người ta lấy các ông các ông mẫu ngọc, ngộ người ta đánh mất các ông các ông có cự lại không? các ông ấy nói rằng: nếu họ hành động trái đạo thế họ sẽ bị dọa Địa ngục, tôi nói họ không tin Địa ngục, vả chăng tượng là một thứ Vô tri, nay các ông chưa hoàn toàn giác ngộ, mà lại tự đặt mình vào cái địa vị Vô-tri, thời sao cho giác ngộ được? các ông ấy nói vô tri mới cận đạo rồi các ông ấy lại nói mấy câu cũng ám hợp với hai kệ trong Tam-kinh rằng: Ví như

người gỗ mà thấy con chim bằng giấy, người gỗ đã vô tình, mà chim giấy thấy người cũng không sợ, tâm đối cảnh đã như thể thời lo gì đạo Bồ-đề không thành, lời nói đó là nói lấy cái nội tâm mà đối trị với cảnh phiền não ở ngoài, chứ đây là người ta lễ các ông, không phải là cảnh phiền não, mà sao lại vin vào mấy câu ấy được, như tãe tôi e lạc vào ngoan không, thế rồi mấy ông nói tăng đi truyện khác, nói tóm lại dân Cao-miền là một dân [ười chằm liến hóa, thương mại kỹ nghệ tay người tầu người Annam cả, người Cao miên chỉ có 3 nghề, 1 làm quan đi lính, 2 đi tu, 3 làm ruộng, mà họ ăn nhiều làm ít, các nhân viên Cao miên lương tháng bốn năm chục mà nhiều người không có gia đình, chỉ ăn tiệm ngủ nhờ ta thường có câu cơm hàng cháo chợ, ở Cao miên thời dùng thề, một cái chợ rất to có mấy trăm hàng cháo, mà đêm nào họ cũng tiêu thụ hết, chứ tăng thì trăm người chỉ độ một hai người là chăm về sự học tập nghiên cứu còn phần đông chỉ trọng ư giới, khoa ư học, chỉ học qua mấy câu tuag niệm chúc nguyện thông thường rồi đi ngao du sơn thủy, hề khoác tấm Gà sa vào là mọi sự đầy đủ bởi vì họ có lính lười sẵn, cho nên họ thịch đi tu, đã đi tu là không được rồ cỏ, không được cuốc vườn giống cây nhất nhất là phạm giới hết, chỉ có ba tấm cà sa với cái bình khất thực, giang sơn có thể đi đâu mang theo, như chim hai cánh, mặc dầu bay liêng trên không, còn nói đến kinh sách chữ Hán, và cai quản tự sinh hoạt ở một ngôi chùa thời họ rất sợ, đang tu thời bỏ về, ở tại gia hằng năm không kiếm đủ 9\$00 thuế thân cho nhà nước thời lại đi tu, tu một thời gian rồi lại về, có người giở đi giở lại nănc sáu lần, mà vẫn như thường không sao, lính cảnh sát thấy sư phải lạy, ví dụ có ông sư nào phạm tội gì rất nặng, lính không được bắt trời vị sư ấy, phải mời vị sư ấy lại giao cho ông vua Săi, ông ấy tự nhận lấy để một nơi, khi nào ông vua Săi thu lấy áo cà-sa cho mặc áo thường thời tòa án mới có quyền xử tội, có một ông người Nam kỳ mộ đạo, tông sự tại Cao-miền đã lâu nói



chuyện với chúng tôi rằng : Trước ông có một người bồi hăng ngày ông bắt nó lau đánh bộ sa-lông cho ông. một bữa ông đi làm về thấy nó để bẩn, rồi ông đánh nó ông đuổi đi. cách vài tháng thấy nó ăn mặc sự lại nhà ông, chính tay ông phải ra lau cái ghế kia mời ngồi rồi ông phải lễ lạy cúng dâng. lại còn phải dâng một món tiền đi xe nữa.

Nói về đường tinh-thần thời tu lối Cao miên thực là thoát trần một ngát thiên nhiên cái thân ngoại vật là tiền trên đời. Còn nói về đường tiến hóa thời thực kém cõi.

Một buổi chiều tôi vào trong nhà thư-viện Phật-học của nhà vua Cao-miên, một cái nhà to bằng nhà trường Bắc-cử Hanoi, trong chứa đầy kinh sách chữ ba-ly và chữ các nước khác, còn chữ Hán thời không có, một gian riêng chứa đầy kinh bằng Bối-riệp, tôi đếm vừa được 1200 cuốn. là Bối nó giống như lá rùa của ta nhưng dày hơn và bền hơn, mỗi mảnh chiều rộng hơn một tấc ta chiều dài một thước rưỡi, chữ viết hai mặt, ở giữa hai chỗ dài hai lỗ để khâu giấy, mà giấy dễ lỏng, ngoài lại có hai mảnh gỗ khứa dày làm bìa, có giấy trong để chít, lại trong nhà trường này bà đầm Cáp-lét làm chủ, có bốn vị Đại đức và hơn mười người Cao-miên đang dịch bộ Đại-tạng chữ phạn ra chữ Cao-miên. Các vị ấy nói với tôi rằng : Công việc phiên dịch này làm nhanh cũng phải 200 năm, như thế đủ biết Phật-giáo ở Cao-miên còn kém ở ta về đường nghiên cứu ta theo chữ Hán mà Đại-tạng kinh của ta các tổ đã dịch ra chữ Hán hơn một ngàn năm nay, mà Cao-miên bây giờ mới bắt đầu phiên dịch ra chữ bản-quốc. Song 1e, về đường hình thức tín ngưỡng thời Phật-giáo ở Cao-miên hơn ta nhiều, bởi vì được nhà vua tán thành nên quốc dân phục tùng một cách triệt để.

### THÁI-BÒA

Viết ở Nam-vang Cao miên

## SÔNG ĐỀ LÀM GÌ?

Hết thầy gian nan mà sống, khôn khéo mà sống, không ưa mà cứ phải sống; từ đời kiếp nghiệp lại nào vẫn cứ phải thế, không thể không được, người đời muốn gỡ mà chưa được.

Đối với vấn đề này rất quan hệ mật thiết của hết thầy loài người. Sống ở đời ai cũng muốn biết mà chưa biết ai cũng muốn gỡ mà chưa gỡ ra. Cho nên đức Thích Ca-mâu ni là đấng hoàn toàn tịnh ngộ, ngài cho là một đại-sur cũng vì nguyên nhân ấy mà ngài đã từng trải bao nhiêu kiếp, dùng mãnh tinh tiến đại hùng đại lực để tìm con đường tự giải thoát và khai thị cho loài người tỉnh ngộ mà vào con đường chính tri chính kiến, khỏi vòng khổ não được cõi yên vui.

Hiện trạng ta thấy muôn hình vạn tượng, hễ cái gì có sắc, thanh hương vị cảm xúc, tướng tượng đều phải trong vòng thành, trụ, hoại, không. Tự thân căn cho đến sơn hà đại địa không có cái gì là không biến diệt khởi tuần hoàn; Không có cái gì là đã có bắt đầu (sinh) mà không có cùng tận (diệt).

Hiếm vì một nỗi ta mắc trong vòng mê chưa tỉnh, cho nên còn trấp có, trấp không, trấp thực trấp hư, sinh ra tham chán ưa ghét, rối loạn tâm trí quay cuồng trật vật, nỗi chìm trong bể khổ. Ví như người nhìn mồi trong hư không, thấy hoa đốm ở hư không, ta trấp cái cảnh hoa không ấy là thực, sinh ra mê lầm ưa ghét. vốn cái hoa không ấy có thực thể đâu

Nếu cái hoa không ấy có thực thể, sao khi mắt khỏi lóa nhìn lại không thấy, có lẽ cái hoa không ấy đi ẩn trong chốn hư không chăng? Va người tỉnh mắt cũng không trông thấy cái hoa không ấy ở đâu. Thế thì cái hoa không đối với người còn lóa mắt là thực có, đối với người tỉnh mắt quyết thực là không.

Khi ta đã rõ được cảnh vật giả tướng ấy, hết thầy đều

biện trong thế diệu-giác ta thì tâm ta thân nhiên bình tĩnh còn trấp trước ưa ghét gì nữa, ta sẽ thoát vòng mê muội không bị phải hoàn cảnh bức bách lôi kéo, thì làm gì còn có tham, sân, si, làm gì còn sinh ra bất nhân, bất nghĩa, bất lễ, bất trí, bất tín nữa ; nhất cử nhất động đều là từ-bi bác-ái, phương tiện diệu dụng như gió thổi qua ống cả.

Như thế thì thân tâm tự giải-thoát tiêu-giao, gia-dinh tự khắc ung mục, thế-giới tự khắc hòa-bình, cõi sa-bà bề khổ sẽ biến thành thế-giới cực-lạc.

Trái lại, nếu người ta chưa tự chủ được hoàn cảnh, thì đầu tài chí như anh hùng, hào kiệt, mà trong vẫn bị ba tên giặc tham, sân, si làm nội công, ngoài bị bốn con ma tài, sắc, danh, lợi làm ngoại ứng dẫn vào cái ngục ưu, bi, sầu, não là sinh, già, ốm, chết muốn mà không được toại ý, không muốn mà cứ phải chịu.

Ái ôi ! ăn để mà sống, vậy sống để làm gì ? Trong chốn như như diệu giác vốn chẳng có sống chết thực thề, vì ta mê lầm trấp cái giả tướng biến hiện làm thực cảnh, rồi tự mình trói buộc lấy mình, quanh quẩn như sấm tìm đường chẳng biết lối ra. Có biết đâu chính tên giặc vọng tưởng vô minh đã đóng vai tạo hóa sinh ra thân cảnh đối đãi. Ta phải biết đề mà nỗ lực chuyển mê khai ngộ, tự giác, giác tha mà trừ cái tên giặc ấy đi.

Phải chăng, sống để mà học hỏi, tu tiến, bạt hết cái nghiệp chướng vô minh, khỏi phải nô lệ quy lụy dưới quyền hoàn cảnh lăng bức rồi tiến làm chủ tể cả pháp-giới.

Xin trả lời tóm tắt một câu rằng :

Ăn để mà sống, sống để mà khai phá vô-minh để làm chúa-tể hoàn cảnh.

Vũ-văn-Dương



# VĂN UYÊN

## HÓA SẮC

Tục thành-phố, lối ba mươi lối, lúc giao thừa, thường có lũ trẻ đi lặn lượ trong phố, gõ cửa các nhà, tay đánh cái xênh tre, miệng đọc bài chúc năm mới xát quỷ trừ ma gọi là « HÓA SẮC ». phông theo lối văn đó, Đuốc-Tuệ năm nay cũng có mấy lời « HÓA SẮC » chúc thập phương năm mới như sau này :

Rắc, rắc, rắc... rắc!

(tiếng xênh)

Hóa sắc, hóa sỡ,  
Thập-phương mở cửa,  
Đuốc-Tuệ soi vào,  
Soi thấp soi cao.  
Soi cho sáng tỏ,  
Tiểu trừ năm cũ,  
Rước năm mới sang,  
Kính chúc an-khang,  
Nhà nhà hưng thịnh,  
Thi-hành sứ mệnh,  
Đuốc-Tuệ trừ ma,  
Ma trẻ ma già,  
Trừ cho tiệt giống :  
« Ma sản » máu nóng,  
Lắm chuyện bất hòa,  
« Ma Rượu » ngày ngà,  
Chửi con mắng cái,  
Cái « ma giai gái »,  
Quyển rũ hại người,

Ly-dị, phân tài,  
Phá tan gia-đạo.  
« Ma tham » tàn-bạo,  
Thủ-phạm là my!  
Nước bại nhà suy,  
Chỉ vi tư lợi,  
Thẳng tay “cuộc bơi”  
Cuộc rật vào lòng,  
Tội-ác chất chồng,  
Bối máy xui-khiến,  
Bối máy lưu luyện,  
Khấp mặt địa-cầu,  
Đề người giết nhau,  
Tàu bay tàu lặn,  
Trái-bom hạng nặng,  
Đất lở trời long,  
Máu chảy thành sông;  
Thầy chết thành núi,  
Biết bao tội lỗi,  
Điều bôi « Ma tham »,  
Trung Nhật chưa an,

Sáp Địa-trung-hải,  
 Khắp hòa thế-giới,  
 Điều đứng vì « ma »,  
 Nay vận thái hòa.  
 Xuân-quang rặc-rỡ,  
 Gươm Tuệ tuốt trần,  
 Đuôi lư hung-thần,  
 Trừ cho hết nợ,  
 Trên nhờ Phật-lực,

Giáng phù muôn nhà,  
 Bốn bề gần xa,  
 Dân an quốc thái,  
 Hết giống ma-quái,  
 Trên đất năm châu,  
 Nhân-loại cùng nhau,  
 Xuân đài, lạc-quốc.  
 Rắc, rắc, rắc... rắc  
 (không dám xin xu)

(Pháp sư Quảng tràng-Thiệt)

KỆ TỨ-ÂN 四恩

Nam-mô Đức Phật Bổn sư,  
 Thích-ca Giáo chủ đại từ đại bi.  
 Dạy khuyên Thiện, Tin, Tăng, Ni,  
 Ngày ngày phát nguyện đền nghì Tứ-ân. (1)  
 Một là ơn đấng song thân,  
 Sinh thành cúc-dục nên thân con người.  
 Hai ơn đất nước cung nuôi,  
 Tờ tống gậy dựng bao đời đến nay.  
 Ba ơn xã hội xum vầy,  
 Công người sực vật hằng ngày giúp nhau.  
 Bốn ơn Phật Thánh xưa sau.  
 Phát minh đạo chính lẽ mẫu dạy ta.  
 Bón ơn quảng đại bao la,  
 Đợi ơn ta phải liệu mà đền ơn.  
 Muốn cho nghĩa rõ ràng hơn,  
 Dưới đây kính giải mỗi ơn thế nào :

1. Ơn cha mẹ, đức cù lao,  
 Núi công nguồn xưa biết bao bù-trì.  
 Mong cho biết dừng biết đi,  
 Biết ăn biết học kịp thì khôn-ngoan.  
 Ở sao trọn đạo làm con,  
 Phu lòng cha mẹ mong con đã nhiều.

Cảnh thường nuôi nấng, -nâng niu,  
 Qui hồ thành kinh giàu nghèo kẻ đầu.

Xuất gia kia vị Ti-khâu,  
 Phật còn cho giả ơn sáu ngọt bùi (2).

Thực ai vương gánh việc đời,  
 Không nuôi được miệng, nhưng nuôi được lòng (3).

Còn như ham thú chơi dong,  
 Say bên vật-dục quên công sinh-thành.

Chỉ thân còn nữ bạc tình,  
 Ngoài ra lũ-lũ trung thành với ai (4).

2. - Ông cha mẹ đã tỏ bày,

Này ơn đất nước sau này lại khuyên  
 Nghiệp chung tông-tổ gây lên,

Bờ xôi ruộng mật lưu truyền bấy nay,  
 Sinh sôi trong đất nước này,

Lá rau cũng chịu ơn giầy liềm nhân

Phải toàn nghĩa-vụ quốc dân,  
 Giúp vào công cuộc quấy quần cùng nhau.

Vương thành Phật dạy ý sâu,

Rằng : « Trong không hại lẫn nhau » mới bền (5).

Cho nên Mạnh-lữ Đại-hiền,  
 Bàn về việc nước cần khuyên « nhân hòa »

3. - Đã đền ơn đất nước nhà,

Thì ơn xã-hội dễ mà quên sao,

Loài người trên mặt địa cầu,

Chao công đĩ việc cho nhau ăn dùng (7).

Cuộc đời mở hội giao thông,

Trang nghiêm thể giới, đại đồng văn minh (8).

Biết bao trí sảo công trình,

Đền ơn phải góp nghề lành một hai.

Lại nên thương vật, yêu người,

Chớ phân giai cấp giống loài mà chi (10).

Một niềm bình đẳng từ bi,

Với người bề khổ đưa về cõi vui (11).

Nhớ kinh Địa-tang dạy lời :

« Chúng sinh độ hết mới ngồi tòa sen (12).

Mặc dầu ta kẻ tài hèn,  
 Hết lòng giúp việc công duyên cho đời.  
 4 - Ôn xã hội đã yên rồi,  
 Còn ơn Phật, thánh đền bồi cho mình.  
 Phật khuyên « phả độ quần sinh »,  
 Thánh khuyên « cách trí, trí bình » thế gian.  
 Biết bao giáo hóa mở mang,  
 Thoát nơi mang gĩa lên đường quang minh.  
 Đền ơn ta phải đem mình,  
 Tuyên dương đạo chính, thực hành phép hay.  
 Ấy là báo đáp Các Ngài,  
 Dù rằng lẽ lấy mấy mươi cho bằng.  
 Châu toàn được đạo « Tứ ân ».  
 Giòng cây đức trước, hưởng phần phúc sau.  
 Chứng mình có chốn cao sâu.  
 Một lời phát nguyện dễ hầu dám sai.

### D. N. T.

(1) - Tứ ân : là bốn ơn đức một luân-lý rất hệ trọng trong đạo Phật, do lời đức Thích-ca dạy ra.

Luân-lý tứ ân chung cho cả tứ-chúng vừa tại gia vừa xuất-gia. Tức là tăng, ni, thiện, tín,

Cuối bài kệ Thiện sinh, Phật dạy phàm đệ tử Phật mỗi ngày buổi sáng sớm phải đọc mà phát nguyện rằng :

« Chắp tay cung kính lạy,

« Phát nguyện đền tứ ân

Thế là dù kẻ tại gia, dù kẻ xuất gia, dù giai dù gái, ai là người cũng mang bốn đều ơn đức ấy thì ai cũng phải biết lo mà báo đền. Muốn cho khỏi quên và thực hành sốt sắn nên Phật dạy đệ-tử mỗi ngày phải phát nguyện báo đền « Tứ ân »

(2) - Đệ tử Phật có ông Tỉ-khuru Tất-lăng-già-bà-sai. Xuất gia Theo Phật mà cha mẹ ở nhà thì nghèo khổ quá, không biết trông mong vào đâu để nuôi thân, ông không dám

lấy của bố-thí đem nuôi cha mẹ. Sau ông phải bạch thực với Phật. Phật liền cho phép ông làm lễ qui cho cha mẹ rồi thì được đem nhũng vật đi khất thực được mà cung nuôi cha mẹ, vì việc này Phật bèn đặt ra giới điều cho các vị Tỳ khưu khác từ đây trở đi ai không cung nuôi cha mẹ thì có tội.

Coi đó thì biết đến như người xuất gia mà Phật còn bắt phải cung nuôi cha mẹ khi tuổi già nhả nghèo, nữa là kẻ tại gia,

(3) - Kẻ nào vì hi sinh cho công-nghĩa vương mang vào cái gánh việc đời, mà phải xa nơi nả cửa, không nuôi nấng được cha mẹ lúc già yếu nghèo nàn. Nhưng xét ra kẻ ấy là tuyện tình vì việc đời. Thì kẻ làm cha mẹ, sinh được người con biết làm trọn nghĩa vụ với đời như thế, lúc là làm về wang cho cha mẹ, thì cha mẹ tuy chịu cảnh đơn hàn nhưng cũng đủ an ủi được cõi lòng, cho nên nói là « Không nuôi được miệng nhưng nuôi được lòng » Như kẻ ấy không mang tội bất-biểu mà lại làm được phúc lòng cho cha mẹ.

(4) - Kẻ nào có cha mẹ bị cảnh đơn hàn, mà kẻ ấy chẳng phải vì việc công nghĩa gì, chỉ mà về cái thú vui chơi, dong dài hay là say đắm về vật dục cầu khoái lạc lấy thân mình, mà chẳng nghĩ gì đến công sinh thân, bỏ cha mẹ không nuôi nấng thì kẻ ấy là có tội bất biểu. Vì rằng thường tình đối với chỗ chí thân có hậu thì xử với ngoài mới từ lễ được. Nay kẻ chỉ vì ham chơi, say vật dục mà bạc tình với cha mẹ là chỗ chí thân thì về sau kẻ ấy có khoa trương là vì làm việc công cũng là giả dối hoặc lợi dụng mà thôi, chứ không phải là thực tâm được.

(5) - Trong kinh A-hàm chép lời Phật nói về nhân-dân trong thành Vương-biên đại lược rằng : « Khi Phật trụ ở thành Vương-biên tức là thành Vương-xá, nước Xá-vệ, trong vườn Cấp-cô-dộc. Nhân buổi nhân hạ Phật cùng đệ tử ra chơi xem thành. Thấy thành Vương-biên hùng tráng thạnh giàu. Có bấy thứ vật liệu đều sung túc là cung thất



thành trì đều kiên-cố ; đường xá rộng rãi ; lính kỵ, lính bộ khỏe mạnh ; khí giới tinh nhuệ ; tường gạch, mưu kỹ, hào sâu lũy cao, cái gì cũng đủ trông cự được với giặc ngoài. Lại bốn thứ lương thực như nước cỏ, củi rơm, thóc gạo, vừng đậu, muối đường, cái gì cũng có nhiều và lấy ra dùng rất tiện. Các vị Tể-khâu đều khen ngợi thành Vương-biên không lo gì giặc ngoài. Phật bèn bảo cho các vị Tể-khâu rằng : « Nhưng người ở trong thành họ không tự làm hại lẫn nhau mới được »

(6) — Ông Mạnh-tử nói : « Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa ». Vậy thì có địa lợi tốt cũng là quý nhưng lại còn phải quý ở nhân hòa nữa mới được.

(7) — Người cấy ruộng lấy thóc, người dệt vải lấy áo, còn các nghề khác cũng thế, mỗi người làm một nghề để chao đổi vật dụng cho nhau thì xã-hội mới dù mọi thứ mà ăn dùng. Ngày nay không những chỉ trong một nước mà đến cả loài người trên mặt địa-cầu cũng đều chao đổi công việc ăn dùng với nhau mà nên cuộc văn-minh này.

(8) — Ngày nay trí-sảo mở mang, máy móc rất tài, theo cuộc giao-thông các nước rất tiện, loài người chao văn-minh cho nhau. Đem trí sảo mà làm cho thế giới ngày càng trang-nghiêm tốt đẹp, cuộc văn minh đâu đấy đều giống như nhau, có cái cơ tới cảnh đại-đồng.

(9) -- Ta ở trong cái xã-hội loài người trên địa-cầu này, chịu ơn của mọi người cung cấp cho ta mọi thứ ăn dùng. Vậy ta cũng phải làm lấy một hai cái nghề gì ngay lành để góp vào.

(10) -- Đạo Phật lấy bình đẳng làm gốc, cho nên không phân giai-cấp mà quý kẻ sang khinh người hèn, không phân giống loài mà yêu nơi nào ghét chỗ sơ. Ta theo đạo Phật ta phải thực hành nghĩa ấy, đối với loài người ta yêu khắp cả, đối với vật ta thương khắp cả. Mà người nào vật nào có công với ta hơn thì ta phải giá công hơn.

(11) -- Vì đạo Phật dãi hết thấy loài người loài vật là bình đẳng, nên đạo Phật lấy chủ nghĩa từ bi làm cốt. Từ là làm cho hết thấy chúng-sinh được vui sướng, bi là làm cho hết thấy chúng-sinh khổi khổ sở

(12) -- Trong kinh Địa-tạng, đức Địa-tạng Bồ-tát ngài có lời kệ phát nguyện rằng :

Địa ngục chưa bỏ không,

Ta đây chưa thành Phật

Độ cho hết chúng sinh,

Ta mới chứng nát bần.

Đấy nói : « Chúng sinh độ hết mới ngồi tòa sen ». Tòa sen tức là ngôi Phật đã chứng nát-bần rồi. Nghĩa là độ hết chúng-sinh mới thành Phật, lời tuy dịch khác mà nghĩa là một.

## MUỐN ĐẠT ĐẾN MỤC ĐÍCH

### THỂ - GIỚI ĐẠI - ĐỒNG

*cần phải rõ ba cái nguyên-nhân*

*bất-bình - đẳng*

(tiếp theo)

1.) Thiên ;

2.) Nhơn ;

3.) A Tu La ;

4.) Địa ngục ;

5.) Ngạ Quỷ ;

6.) Súc sinh ;

Như trước đã nói tùy theo chỗ gây-hoặc nghiệp-nhơn mà cảm lấy quả-báo khác nhau rồi, nhưng không phải ở trong lục-phàm, vì hoặc-nghiệp khổ mà thọ-dụng cảnh-giới khác nhau thôi đâu, cho đến ở trong xứ-thánh số-dĩ mỗi bậc thọ-dụng cảnh-giới mỗi khác, cũng vì đoạn hoặc-nghiệp chơn không đồng, thành ra quả vị khác nhau. Hoặc nghiệp khổ tuy có ba cái nhưng cốt-yếu

nhất là cái hoặc vô-mình là vì sao ? - vì rằng xưa nay thân thể cho đến sự-sự vật-vật trong vũ-trụ đều do nhờ nhân-duyên tứ-đại hợp-thành. đã do nhân-duyên hợp-thành thì đều là vô-thường, khổ, không, vô ngã, mà chúng ta diên-đảo nhận lầm. vô thường cho là thường, nhận lầm khổ cho là vui, nhận không cho là có, nhận vô ngã cho là thật-ngã ; nên chúng ta mong ra trăm ngàn sự trông cầu cho đặng sung sướng, mãn nguyện của mình, một người tham cầu như vậy, thì lẽ tất nhiên ở đời thường thường cái lợi về người này, cái hại về người khác, người này đặng của dùng sung sướng, thì kẻ khác phải chịu mất của lăm than khổ sở, mà đã có lợi hại đặc biệt, thì tránh sao cho khỏi những sự xung đột, một người xung đột, cho đến trăm vạn người xung đột, thì khi ấy giữa xã hội trở thành một trường chiến tranh, đã chiến tranh rồi tất nhiên mạnh được yếu thua, giết hại lẫn nhau, không sao kể xiết, làm cho nhân loại đến nỗi trở lại thành biển đổi biết bao nhiêu cảnh trạng huyết lệ thương tâm, thành sâu bể thẳm, nhưng than ôi ! chúng ta thử coi thân thể cho đến cảnh vật, trong vũ trụ có chi là thường, có chi là vui, là có, là ngã đâu ? Thân thể và cảnh vật thường thường thay đổi, thân thể thì từ khi đầu thai trong bụng mẹ, cho đến khi chết mỗi năm mỗi khác, còn cảnh vật thì hiện tượng này khác với hiện tượng kia, chúng ta xét ra cho kỹ từ thân tâm cho đến sự vật, đều là ở trong mối niệm cũng là sanh diệt vô thường. cái gì là sanh diệt vô thường, thì lẽ quyết nhiên phải có ngày tan-rã. cứng chắc vững bền như tường thành vạn lý, của ông vua Tần-thí-Hoàng cũng phải có một thời kỳ trụ-lạc tiêu-diêu ; Còn sống lâu như ông Bàn-Tử xưa cũng phải có ngày chết, Oai quyền thế lực như ông Thạch-Sùng, mà đến khi phút chết vô thường, cũng không thể nào kéo lại được. Vậy thì có chi là chắc chắn trường tồn đâu, mà chúng ta nhận lầm là thường, đến

nỗi sanh lòng tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại phải chịu phần khổ sở. Chúng ta sống đây toàn là một cái thâu khổ, như người giàu có muốn sống, để hưởng cái hạnh phúc, thế mà cứ vẫn chết

Người nghèo khổ muốn cho sung sướng mà chỉ trọn đời khổ sở, đương cảnh vui vẻ cùng nhau, mà phứt chút lại chia tan mỗi người mỗi ngã, thì thương nhớ kìa sao siết nỗi, nói tóm lại người đời trăm ngàn vạn sự khổ thế thì có chi đâu đáng gọi là vui mà chúng ta nhận lầm là vui, đến nỗi sanh vọng tâm, tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại chịu phần khổ sở. Còn thân thể và cảnh vật đều đã do Nhơn duyên hòa hiệp, thì tan rã vô thường nên người đời thoát sống, thoát chết, thoát khổ, thoát vui như cảnh vật ở trong chiêm bao, như trò múa rối, như bóng trong gương, thế thì có chi đâu đáng gọi là thật có, đến nỗi sanh vọng tâm tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại chịu phần khổ sở, thân thể của chúng ta thì do nhờ các Nhơn duyên tứ đại hiệp thành, đến khi hơi thở cuối cùng, thì ngàn thu vắng vẻ, tan rã cái gì trả về cái ấy, thế thì có chi đâu đáng gọi là ngã; đến nỗi sanh, vọng tâm tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại chịu phần khổ sở. Thế cho biết xưa nay chúng ta tham cầu vô yếm, mà đến nỗi sanh ra làm điều chiến tranh xung đột giết hại nhau làm cho nhân loại bất bình, thế giới đại loạn cũng đều vì nhận lầm thân tâm và cảnh vật là thường là có, là vui là ngã, nên chúng ta cho rõ biết vì cái nguyên nhân của cái hoặc vô minh điên đảo nhận-lầm, mà tạo thành ra biết bao nhiêu cảnh-trạng bất-bình, làm hại cho nhân loại chịu biết bao nhiêu khổ-quả. Thật là ghê gớm cho cái hoặc vô minh điên đảo nhận-lầm !! vì có ấy nên gọi cái hoặc là cốt yếu thứ nhất; cái hoặc cũng ví như chúng ta thường nghe ai nói chuyện gì hơi trái đến mình, bậy trái đến người khác, thì thiệt ra lời nói của người ấy như như thoảng qua có chi đâu; thế mà chúng ta chấp cho là thật có, rồi nghiệp sản si bùng-bọt

đến nỗi vác dao vác dùi phang đập, có khi thiệt hại đến tánh mạng người, thì khi ấy tránh sao khỏi quả khổ ở tù; như vậy đáng sợ thay cho cái hoặc vô-minh điên đảo nhận lầm !!!

Nay chúng ta ai ai đã đi lầm vào con đường ấy, có nên mau mau thức tỉnh bay không ??? dặng tìm phương pháp tu hành giải thoát hay không?? vì hiện nay chúng ta phải chịu những nỗi giai cấp bất bình ở giữa nhân loại, đều vì cái nguyên nhân của cái hoặc nghiệp tạo thành ra cả, nên nay chúng ta không lo diệt trừ cái nguyên nhân ấy, mà muốn cái kết quả nhân loại bình-đẳng, thế giới đại đồng: nếu chúng ta muốn giữa xã-hội, nhân loại đều được chỗ kết quả như nhau, mà không theo nguyên nhân chủ nghĩa nhau, thì e không bao giờ đạt đến mục đích bình đẳng như trước đã nói, chúng ta hề đã nhận lầm thân tâm và sự vật, tức là không đúng với chơn tức là trái với chánh-lý, đã trái với chánh lý tức nhiên phải chịu trăm bề mê lầm ràng buộc khổ sở, mà hề thuận theo chánh lý không có nê lầm thì được tự tại giải thoát.

Vậy nay chúng ta muốn tìm con đường dặng tu hành để diệt trừ cho hết cái nguyên nhân, hoặc nghiệp, khổ, thì chỉ cho bằng chúng ta thường phải nương theo chánh lý dặng lấy chánh lý làm mọi cái điều kiện cho chúng ta ở trong khi diệt trừ những vô minh hoặc, nghiệp, khổ.

Sao gọi là nương theo chánh lý?? nghĩa là suy nghĩ đúng đắn, theo như chơn lý của vạn sự vạn vật ở trong vũ trụ, tức như thân tâm cảnh vật điều là vô thường, khổ, không, vô ngã, như trước đã nói rồi, thì chúng ta nhận cho rõ ràng đúng theo đó mà tu hành, mới chắc được tự tại giải thoát, tức không còn sanh vọng iâm tham cầu như trước nữa, một người như vậy cho đến trăm vạn người như vậy. (còn nữa)

Lê-chính-Tri

QUI TINH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ  
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÚNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA  
TRUNG ƯƠNG

M. Khuất-hữu-Lợi, bá-hộ Cung thuận, Sơn tây	1\$00
Mme Nguyễn-thị-Nhâm, Cung thuận, Sơn tây	1.00
Mme Nguyễn-thị-Sẽ Cung thuận, Sơn tây	0.20
M. Trịnh văn Tuế, xã Tuy lộc, Sơn tây	1.00
Mme Hạ thị Nộn, xã Tuy lộc, Sơn tây	0.50
Mme Hạ thị Thuận, xã Tuy lộc, Sơn tây	0.20
Mme Khuất thị Duy, Trịnh thị Bá, và Khuất thị Miễn, xã Tuy lộc, Sơn tây	0.50
Sư bà Đàm niên, chùa Bách lộc, Sơn tây	1.00
M. Kiều hữu Lập, Bách lộc, Sơn tây	1.00
M. Nguyễn văn Vy Sơn tây	1.00
M. Nguyễn văn Cát, Giám sát chi Hội Bách lộc	0.50
Nguyễn hữu Tảo Giám sát chi Hội Phật giáo Bách lộc Sơn tây	0.50
M. Nguyễn văn Mùi Trưởng ban đồng sinh chi hội Phật-giáo Bách lộc Sơn tây	1.00
M. Nguyễn duy Phù, thủ quỹ chi Bách lộc, Sơn tây	2.00
M. Khuất trọng Phúc, Thư ký chi Bách lộc Sơn tây	0.50
Mme Nguyễn thị Bắp, xã Bách lộc, Sơn tây	0.15
Mme Nguyễn thị Hợp xã Bách lộc, Sơn tây	0.30
M. M. Nguyễn duy Trinh, Nguyễn duy Minh xã Bách lộc Sơn tây	0.40
M. Nguyễn duy Kiến, Phó thư ký Bách lộc Sơn tây	1.00
M. Nguyễn đình Sở trưởng ban Hộ niệm Sơn tây	1.00
Mme Nguyễn thị Cao, Bách lộc, Sơn tây	0.10
Mme Hậu hiệu diệu Tròn xã Bách lộc Sơn tây	3.00
M. Kiều chí Hiền, lý trưởng Bách lộc Sơn tây	1.00

(còn nữa)

nhất là cái hoặc vô-minh là vì sao ? vì rằng xưa nay thân thể cho đến sự-sự vật-vật trong vũ-trụ đều do nhờ hơn-duyên từ-đại hợp-thành, đã do hơn-duyên hợp-thành thì đều là vô-thường, khổ, không, vô ngã, mà chúng ta điên-đảo nhận lầm. vô thường cho là thường, nhận lầm khổ cho là vui, nhận không cho là có, nhận vô ngã cho là thật-ngã ; nên chúng ta mong ra trăm ngàn sự trông cầu cho đặng sung sướng, mãn nguyện của mình, một người tham cầu như vậy, thì lẽ tất nhiên ở đời thường, thường cái lợi về người này, cái hại về người khác, người này đặng của dùng sung sướng, thì kẻ khác phải chịu mất của làm than khổ sở, mà đã có lợi hại đặc thất, thì tránh sao cho khỏi những sự xung đột, một người xung đột, cho đến trăm vạn người xung đột, thì khi ấy giữa xã hội trở thành một trường chiến tranh, đã chiến tranh lỗ lã thì nhiên mạnh được yếu thua, giết hại lẫn nhau, không sao kể xiết, làm cho nhân loại đến nỗi trở lại thành biển đổi biết bao nhiêu cảnh trạng huyết lệ thương tâm, thành sâu bể thẳm, nhưng than ôi ! chúng ta thử coi thân thể cho đến cảnh vật, trong vũ trụ có chi là thường, có chi là vui, là có, là ngã đâu ? Thân thể và cảnh vật thường thường thay đổi, thân thể thì từ khi đầu thai trong bụng mẹ, cho đến khi chết mỗi năm mỗi khác, còn cảnh vật thì hiện tượng này khác với hiện tượng kia, chúng ta xét ra cho kỹ từ thân tâm cho đến sự vật, đều là ở trong mỗi niệm cũng là sanh diệt vô thường, cái gì là sanh diệt vô thường, thì lẽ quyết nhiên phải có ngày tan-rã. cũng chắt vừng bên như trường thành vạn lý, của ông vua Tần-thĩ-Hoàng cũng phải có một thời kỳ truy-lạc tiêu-diêu ; Còn sống lâu như ông Bành-Tổ xưa cũng phải có ngày chết, Oai quyền thế lực như ông Thạch-Sùng, mà đến khi phút chết vô thường, cũng không thể nào kéo lại được. Vậy thì có chi là chắc chắn trường tồn đâu, mà chúng ta nhận lầm là thường, đến

nổi sanh lòng tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại phải chịu phần khổ sở. Chúng ta sống đầy toản là một cái thân khổ, như người giàu có muốn sống đề hưởng cái hạnh phúc, thế mà cứ vẫn chết

Người nghèo khổ muốn cho sung sướng mà chỉ trọn đời khổ sở, đương cảnh vui vẻ cùng nhau, mà phứt chút lại chia tan mỗi người mỗi ngã, thì thương nhớ kẻ sao siết nổi, nói tóm lại người đời trăm ngàn vạn sự khổ thế thì có chi đâu đáng gọi là vui mà chúng ta nhận lầm là vui, đến nổi sanh vọng tâm, tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại chịu phần khổ sở. Còn thân thể và cảnh vật đều đã do nhơn duyên hòa hiệp, thì tan rã vô thường nên người đời thoát sống, thoát chết, thoát khổ thoát vui như cảnh vật ở trong chiêm bao, như trò múa rối, như bóng trong gương, thế thì có chi đâu đáng gọi là thật có, đến nổi sanh vọng tâm tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại chịu phần khổ sở, thân thể của chúng ta thì do nhờ các nhơn duyên tứ đại hiệp thành, đến khi bời thờ cuối cùng, thì ngàn thu vắng vẻ, tan rã cái gì trả về cái ấy, thế thì có chi đâu đáng gọi là ngã; đến nổi sanh, vọng tâm tham cầu vô yếm, làm cho nhân loại chịu phần khổ sở. Thế cho biết xưa nay chúng ta tham cầu vô yếm, mà đến nổi sanh ra lầm điều chiến tranh xung đột giết hại nhau làm cho nhân loại bất bình, thế giới đại loạn cũng đều vì nhận lầm thân tâm và cảnh vật là thường là có, là vui là ngã, nên chúng ta cho rõ biết vì cái nguyên nhân của cái hoặc vô-minh điên-đảo nhận-lầm, mà tạo thành ra biết bao nhiêu cảnh-trạng bất-bình, làm hại cho nhân loại chịu biết bao nhiêu khổ-quả. Thật là ghê gớm cho cái hoặc vô minh điên đảo nhận-lầm !! vì có ấy nên gọi cái hoặc là cốt yếu thứ nhất; cái hoặc cũng ví như chúng ta thường nghe ai nói chuyện gì hơi trái đến mình, hay trái đến người khác, thì thiệt ra lời nói của người ấy như như thoáng qua có chi đâu; thế mà chúng ta chấp cho là thật có, rồi nghiệp sản si bằng-bột



đến nỗi vác dao vác dùi phang đập, có khi thiệt nạn đến tánh mạng người, thì khi ấy tránh sao khỏi quả khổ ở tù; như vậy đáng sợ thay cho cái hoặc vô-minh điên đảo nhận lầm !!!

Nay chúng ta ai ai đã đi lầm vào con đường ấy, có nên mau mau thức tỉnh bay không ??? đặng tìm phương pháp tu hành giải thoát hay không ?? vì hiện nay chúng ta phải chịu những nỗi giai cấp bất bình ở giữa nhân loại, đều vì cái nguyên nhân của cái hoặc nghiệp tạo thành ra cả, nên nay chúng ta không lo diệt trừ cái nguyên nhân ấy, mà muốn cái kết quả nhân loại bình-dẳng, thế giới đại đồng : nếu chúng ta muốn giữa xã-hội, nhân loại đều được chỗ kết quả như nhau, mà không theo nguyên nhân chủ nghĩa nhau, thì e không bao giờ đạt đến mục đích bình đẳng như trước đã nói, chúng ta hãy đã nhận lầm thân tâm và sự vật, tức là không dùng với chơn tức là trái với chân-lý, đã trái với chánh lý tức nhiên phải chịu trăm bề mê lầm ràng buộc khổ sở, mà hãy thuận theo chánh lý không có nề lầm thì được tự tại giải thoát.

Vậy nay chúng ta muốn tìm con đường đặng tu hành để diệt trừ cho hết cái nguyên nhân, hoặc nghiệp, khổ, thì chỉ cho bằng chúng ta thường phải nương theo chánh lý đặng lấy chánh lý làm một cái điều kiện cho chúng ta ở trong khi diệt trừ những vô minh hoặc, nghiệp, khổ.

Sao gọi là nương theo chánh lý ?? nghĩa là suy nghĩ đúng đắn, theo như chơn lý của vạn sự vạn vật ở trong vũ trụ, tức như thân tâm cảnh vật điều là vô thường, khổ, không, vô ngã, như trước đã nói rồi, thì chúng ta nhận cho rõ ràng đúng theo đó mà tu hành, mới chắc được tự tại giải thoát, tức không còn sanh vọng, tâm tham cầu như trước nữa, một người như vậy cho đến trăm vạn người như vậy. (còn nữa)

Lê chính-Tri

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI  
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÚNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA  
TRUNG ƯƠNG

M. Khuất-bửu-Lợi, bá-hộ Cung thuận, Sơn tây	1\$00
Mme Nguyễn-thị-Nhâm, Cung thuận, Sơn tây	1.00
Mme Nguyễn-thị-Sẽ Cung thuận, Sơn tây	0.20
M Trịnh văn Tuế, xã Tuy lộc, Sơn tây	1.00
Mme Hạ thị Nộn, xã Tuy lộc, Sơn tây	0.50
Mme Hạ thị Thuận, xã Tuy lộc, Sơn tây	0.20
Mme Khuất thị Duy, Trịnh thị Bá, và Khuất thị Miễn, xã Tuy lộc, Sơn tây	0.50
Sư bà Đàm nbiên, chùa Bách lộc, Sơn tây	1.00
M. Kiều hữu Lập, Bách lộc, Sơn tây	1.00
M. Nguyễn văn Vy Sơn tây	1.00
M. Nguyễn văn Cát, Giám sát chi Hội Bách lộc	0.50
Nguyễn hữu Tảo Giám sát chi Hội Phật giáo Bách lộc Sơn tây	0.50
M. Nguyễn văn Mùi Trưởng ban đồng sinh chi hội Phật-giáo Bách lộc Sơn tây	1.00
M. Nguyễn duy Phù, thủ quỹ chi Bách lộc, Sơn tây	2.00
M. Khuất trọng Phúc, Thư ký chi Bách lộc Sơn tây	0.50
Mme Nguyễn thị Bắp, xã Bách lộc, Sơn tây	0.15
Mme Nguyễn thị Hợp xã Bách lộc, Sơn tây	0.30
M. M, Nguyễn duy Trinh, Nguyễn-duy Minh xã Bách lộc Sơn tây	0.40
M. Nguyễn duy Kiến, Phó thư ký Bách lộc Sơn tây	1.00
M. Nguyễn đình Sở trưởng ban Hộ niệm Sơn tây	1.00
Mme Nguyễn thị Can, Bách lộc, Sơn tây	0.10
Mme Hậu hiệu diệu Tròn xã Bách lộc Sơn tây	3.00
M. Kiều chí Hiền, lý trưởng Bách lộc Sơn tây	1.00

(còn nữa)

## TÂY - VỰC KỲ

Vua Giới-nhật nói : Một người như thế, chính là người của trời sai xuống để làm chúa tể cho muôn vật đó.

Nói đoạn lại bạch Pháp-sư rằng : Bây giờ đệ tử hãy xin về, ngày mai xin lại đón. mong rằng Pháp-sư hạ cố đến cho. Bạch rồi cáo từ ra về.

Sáng sớm mai đã có sứ đến mời. Vua Cưu-ma-la cùng Pháp-sư cùng đi, đến bên ông vua Giới-nhật, vua cùng các bậc sư trưởng-lão hơn hai mươi vị cùng ra cửa đón vào, an trụ rồi, bầy tiệc la liệt, khua nhạc tung hoa, làm lễ cúng dàng. Chai xong vua hỏi rằng :

Nghe nói Pháp-sư có chẻ ra bộ phá ác-kiền-luận, hiện giờ để đâu. Pháp-sư nói :

Hiện có đem theo đây, vừa nói vừa lấy sách đưa cho vua xem. Vua xem xong bảo các trưởng-lão rằng :

Tôi nghe mặt trời ló ra, lửa dom dóm tan hết ; tiếng sét rung động, tiếng đục chạm tất hơi, tôn chỉ của các ngài cổ thụ xưa nay, đều bị phá tan hết cả rồi, đây các sư thử xem xem,

Các sư xem rồi đều ngồi im thin thít không dám nói một câu gì. Vua lại nói :

Bực thượng tọa nhất của các sư là ông Đề-bà-tê-na, tự nói rằng hiểu hơn hết cả các bậc anh hiền, học thấu hết các sách thánh hiền, đầu tiên khởi nên sự chia rẽ, hủy báng phái đại thừa, đến lúc nghe có vị khách đại-dức đến liền giả vờ đi thành Phệ-xá-ly chiêm lễ thánh tích để chốn thì đủ biết các sư là không có tài vậy. Vua có một bà em gái thông minh lắm, học thông nghĩa bộ Chính-lượng, ngồi đằng sau vua nghe đọc bài tựa của Pháp-sư nói rõ cái tôn chỉ đại thừa cao sâu rộng lớn, tiểu thừa thấp hẹp nông thường như thế nào rồi, nảy lòng hoan hỷ, tán thán không ngừng. Vua nói :

Lời luận của Pháp-sư hay lắm, đệ tử và các sư ở đây đều tin phục cả rồi, chỉ e các thầy tiểu-thừa ngoài đạo các trước, vẫn cố chấp tình hẹp hòi, vậy đệ tử xin mở một hội

lớn ở thành Khúc-nữ, để họp cả các thầy sa-môn bà-la-môn ngoại đạo trong năm xứ Ấn-độ đến đây, để pháp-sư mở bảo cho họ tỏ rõ cái lý đại-thừa tinh-vi mẫu-nhiệm như thế nào, cho tiết hẳn cái lòng hủ bại đi, và tỏ cái tài cao đức trọng của Pháp-sư để chiết phục cái tình tự đắc khinh người của họ đi.

Nói rồi ban sắc đi khắp các nơi để cho các thầy luận-sư họp cả ở thành Khúc-nữ. xem Pháp-sư bên Chi-na luận đạo.

Pháp-sư cùng vua khởi hành từ đầu mùa đông, bằng giồng sông tiến lên, đến tháng chạp mới tới chỗ hội.

Trong năm xứ Ấn độ có 18 ông vua các nước đến, các thầy tu am thông đại tiểu thừa hơn ba ngàn người, bà-la-môn và Ny-kiên ngoại-đạo hơn ba ngàn người, các sư ở chùa Lạn-đa hơn một ngàn người. Các vị lại đó đều là bậc học rộng tài cao, tiếng tăm lừng lẫy cả, mỗi vị lại đó, lại mang theo kẻ hầu hoặc cưỡi voi, hoặc đi xe, chàng phan bảo cái rợp giời, khói tỏa cát bay mù đất, chen chúc trong một khoảng đất rộng chu vi hơn ba mươi dặm, thực là một đám hội to lớn thứ nhất, dù kể đến hội Lục tề rơi tay áo thành màn che. hội Tam ngô vậy mờ mờ thành mưa cũng chưa thấm vào đâu. Vua trước đã sắc cho làm hai cái điện bằng gỗ để cho chúng và voi ở, lúc đi đến nơi, thì điện vừa xong, cao lớn rộng rãi, mỗi cái ngồi được hơn ngàn người. Hành cung của vua ở phía tây, cách hội số năm dặm. Trong cung đúc một pho tượng vàng lớn, rước lên trên lưng một con voi lớn, trên che màn gấm. Vua Giới-nhật đóng theo hình vua Đế-thích, tay cầm phất trần trắng hầu bên hữu, vua Cưu-ma-la đóng theo hình Phạm-vương, tay cầm bảo cái hầu bên tả, hai vua đều đội mũ bình thiên, thắt tràng hoa, đeo anh lạc, lại đóng hai con voi, tải các thứ hoa quý đi theo sau vua, còn các vua các quan các nước cũng bằng voi đi sắp hàng theo sau, có tới ba trăm voi.

Sáng sớm đã sắp sửa xong, bắt đầu đi từ hành cung

đến hội sở.

Khi đến hội, đều xuống voi, rước tượng Phật vào bảo-tọa, vua cùng pháp-sư lần lượt cúng dàng, rồi sắc cho vua 18 nước, các sư các nước có học thức rộng hơn một ngàn người, các thầy bà-la-môn các thầy ngoại đạo có tiếng giỏi hơn năm trăm người, các quan đại thần các nước hơn hai trăm người thì được vào trong viện, còn các ngoại đạo các người thường thì cho an chí ở ngoài viện. Xếp đặt chật tự đâu đấy rồi, vua sai đãi tiệc khắp cả trong ngoài.

Tiệc chay xong, vua cúng Phật một cái khay vàng, bảy cái chén vàng, ba ngàn tiền vàng, ba ngàn áo vải nhỏ, còn từ pháp-sư trở xuống, đều theo thứ tự mà cúng. Cúng xong bày riêng một cái dương báu, mời pháp-sư ngồi làm luận chủ, tán dương nghĩa lý đại thừa, thảo thành bài văn, ủy cho Minh-hiền pháp-sư chùa Lạn-dã đem ra tuyên đọc cho đại chúng nghe, lại sao ra nhiều bản, giấu ra ngoài hội sở yết thị cho chúng biết rằng, hễ ai bẻ được một chữ và phá được nghĩa nào sai, xin chém đầu tạ.

Từ sáng đến tối, không có một người nào dám hỏi vặn.

Vua Giới-nhật mừng lắm, bãi hội về cung. Các vua và chư tăng cũng đâu về phòng ấy nghỉ.

Pháp-sư cùng vua Cưu-ma-la cũng về cung riêng nghỉ, sáng mai lại tới, lại đón rước tu hạp như hôm qua. Qua năm ngày, các thầy Tiểu-thừa ngoại đạo, thấy tôn mình bị lép vế, đâm ra thù ghét, sắp toan mưu hại. Vua biết tin mới ra lệnh rằng :

« Đấng tà làm loạn chính pháp, khiến cho quần sinh mê lầm, đã lâu lắm rồi, nếu không có bực thành hiền, thì xét sao cho tỏ chỗ giả dối ấy được. Pháp-sư bên Chi-na, thần cơ sáng suốt, học hiểu sâu sa, vì hàng phục bọn tà lại qua nước này đề tuyên dương pháp 100, dắt dẫn dân mê, những bọn yêu ác, không biết hổ thẹn, toan làm sự bậy, sinh sự ác

hai, tội ấy mà dung, thì còn tội nào nên trị nữa. Vậy yết cho chúng biết, kẻ nào chửi mắng thì phải cắt lưỡi, còn ai muốn cãi lý biện nghĩa thì cứ tự do ».

Từ đó bọn tà im thin thít, giông già mười tám ngày trời, không có một người nào dám khởi nghị một câu nào.

Tối hôm sắp tan, pháp-sư lại xưng dương đại thừa, tán công đức Phật, khiến cho không biết bao người cải tà quy chính, bỏ nhỏ về lớn. Vua Giới-nhất càng thêm bội phần kính trọng, cúng dâng Pháp-sư một vạn tiền vàng, hai vạn tiền bạc, một trăm bộ áo vải nhỏ, các vua 18 nước cũng cúng các vật quý báu. Pháp-sư đều kiêu từ cả.

Vua sai quan hầu thăng một con voi cực kỳ trang-nghiêm, trên cắm bảo chàng, mời pháp-sư lên ngồi, rồi sai quan nhất triệu theo hầu đi riễu xưng quanh bội sở, đề nêu tỏ cho chúng biết rằng : Pháp-sư đã thắng hết thảy.

Lệ bên Tây-trúc, ai luận được thắng đều làm như thế. Pháp-sư xin từ. Vua nói :

Cổ lai đều tuân như thế xin cứ phép làm, mới đem tấm áo cà-sa của Pháp-sư đi phổ khắp các nơi và rao lên rằng :

Pháp-sư bên Chi-na lập nghĩa đại-thừa, phá tan tà kiến, trong 18 ngày, không ai dám cãi cả, chúng nên biết cả.

Chúng nghe đều vui vẻ, đua nhau đặt tên Pháp-sư là Ma-ha-gia-ca-dề-bà, nghĩa là ông trời đại-thừa, đốt hương tán hoa, kính lễ mà đi, từ đó tiếng tăm càng lừng lẫy.

Về phía tây hành cung của vua, có một ngôi chùa, là chùa riêng của vua cúng dâng, trong có một cái rừng Phật giải đũa một tấc rưỡi, sắc trắng như, thường phóng hào quang ra.

提婆延等諸大仙人。外道典籍皆悉通利。如是諸仙亦歸無常。過去羅漢已斷三毒。三明六通。不著三界。離諸癡欲。是良福田。如是聖眾亦歸無常。不聞一句善斷諸結。精勤爲已。是大福田。如犀一角。獨處山林。名聞緣覺亦歸無常。天魔兵眾一時破散。及斷諸結。得成佛道。得成道已。而轉法輪。佛雖如是。當歸無常。過去諸佛。知三界事。當來諸佛。牢固眾生。現在諸佛。恆沙億刹。如是諸佛亦歸無常。無常之力。不捨欲界。

色無色界。仙人國王。貴賤上下。亦復不捨。諸佛緣覺。學無學人。無常不懼。不選財色。不問彊弱。及與大智。執人牢固。以是當知。無常最苦。當求真法。我本爲王。施人宮殿。圍觀浴池。華果茂盛。國城妻子。頭目布施。以此功德。爲求佛道。我往昔時。手足布施。以如此事。修習忍辱。有鷹逐鴿。割肉贖之。爲無上道。忍諸苦痛。我行苦行。久習難行。我破魔王。於道場樹。得成佛道。無諸垢穢。我轉法輪。於鹿野園。我已降魔。瞋恚夜叉。



# PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG-GIẢ KINH

## HÁN

Đề bà duyên đẳng,  
Ngoại đạo diên tịch,  
N hư thị chư tiên,  
Quá khứ la hán  
Tam minh lục thông,  
Ly chư si dục,  
N hư thị thánh chúng,  
Bất văn nhất cú,  
Tinh cầu vị kỷ,  
N hư tế nhất giác,  
Dan h vân duyên giác,  
Thiên ma binh chúng,  
Cấp đoạn chư kết,  
Đắc thành đạo dĩ,  
Phật tuy như thị,  
Quá khứ chư Phật,  
Đương lai chư Phật,  
Hiện tại chư Phật,  
N hư thị chư Phật,  
Vô thường chi lực,  
Sắc vô sắc giới,  
¶ Quý tiện thượng hạ,  
Chư Phật duyên giác,  
Vô thường bất cụ,  
Bất văn cường nhược,  
Chấp nhân lao cổ,  
Vô thường tối khổ,  
Ngã bản vi vương,  
Viên quán dục chi,  
Quốc thành thế tử,  
Lĩ thử công đức,  
Ngã vãng lịch thời,  
Dĩ như thử sự,  
Hữu ưng chực cấp,

Chư đại tiên nhân.  
Giai tất thông lợi.  
Diệc quy vô thường.  
Cĩ đoạn tam độc.  
Bất chước tam giới.  
Thị lương phúc điền.  
Diệc quy vô thường.  
Thiện đoạn chư kết.  
Thị đại phúc điền.  
Độc xử sơn lâm.  
Diệc quy vô thường.  
Nhất thời phá tán.  
Đắc thành Phật đạo.  
Nhi truyền pháp luân.  
Đương quy vô thường.  
Tri tam giới sự.  
Lao cổ chúng sinh.  
Hằng sa ức sát.  
Diệc quy vô thường.  
Bất xả dục giới.  
Tiên nhân quốc vương.  
Diệc phục bất xả.  
Học vô học nhân.  
Bất tuyên tài sắc.  
Cấp giữ đại tri.  
Dĩ thị đương tri.  
Đương cầu chân pháp.  
Thị nhân cung diện.  
Hoa quả mậu thiện.  
Đầu mục bố thí.  
Vị cầu Phật đạo.  
Thủ túc bố thí.  
Tả tập nhãn nhục.  
Cát nhục tục chi.

## VIỆT

Như Đê-bà-duyên,  
 Sách vở ngoại đạo.  
 Các tiên như thế,  
 Là hán xưa kia,  
 Không nhiễm tam giới,  
 Xa ham muốn đại,  
 Các thánh như thế,  
 Không nghe một câu,  
 Vì mình chăm chỉ.  
 Như tê một xừng.  
 Nổi tiếng duyên giác,  
 Đoàn binh thiên ma,  
 Sạch mỗi chói buộc,  
 Được thành đạo rồi.  
 Đến Phật như thế.  
 Quá khứ chư Phật,  
 Đương lai chư Phật,  
 Hiện tại chư Phật,  
 Chư Phật như thế.  
 Cái sắc vô thường,  
 Cõi sắc vô sắc  
 Sang hèn trên dưới,  
 Chư Phật duyên giác,  
 Vô thường không nề,  
 Không hối mạnh yếu,  
 Bất người nhất chặt,  
 Vô thường rất khổ,  
 Ta vốn là vua,  
 Vườn đài ao chuôm,  
 Nước thành vợ con,  
 Lấy công đức ấy,  
 Xưa kia ta từng.  
 Lấy sự như thế,  
 Cát đuôi bồ câu,

Các bậc tu cao.  
 Đều thuộc lâu lâu.  
 Cũng quy vô thường.  
 Sạch tam độc rồi.  
 Thần thông khác với.  
 Ruộng phúc tốt tươi.  
 Cũng quy vô thường.  
 Khéo đoạn mối phiền.  
 Là đại phúc điền.  
 O' chốn làm tuyền.  
 Cũng quy vô thường.  
 Một hồi phá tan.  
 Thành Phật Thế tôn.  
 Lại truyền pháp luân.  
 Cũng quý vô thường.  
 Kổ việc tam giới.  
 Bền bỉ chúng sinh.  
 Hăng sa ức cõi.  
 Cũng quy vô thường.  
 Không tha cõi dục.  
 Vua chúa tiên nhân.  
 Cũng không bỏ sót.  
 Bực học, không học.  
 Không kén tài sắc.  
 Và người rất khôn.  
 Vì thế nên biết.  
 Nên cầu phép chân.  
 Đỗ thí cung điện,  
 Hoa quả tốt tươi.  
 Thí cả đầu mắt.  
 Mong cầu đạo Phật.  
 Đỗ thí chân tay.  
 Tu tập nhần nhục.  
 Sẻo thịt chuộc cho.

TRUYỆN  
LỘC-MÃU PHU-NHÂN

(tiếp theo)

Hễ cất bước nổi chân hoa nở,  
Mím mồm cười đất lở thành nghiêng.

Đức vua xăn bệnh tề-luyên,  
Chợt nghe tiên nói như diên như rồ.

Đốc voi ngự <sup>đội</sup> voi Nam quật,  
Gặp tiên óng tay bắt mặt mừng.

Rằng tôi cũng bởi vì chưng,  
Yêu hoa vượt suối qua rừng tìm hoa.  
Nghe tiên có gái là Lộc-nữ,  
Chỗn động-đào nghiêng giữ phòng-xuân.

Xin ngài rộng mở lòng nhân,  
Tiên-kiều nổi rịp cho trần được qua.

Rằng con trẻ sinh ra từ bé,  
Nơi thâm-sơn vắng vẻ cách vời.

Chưa hay giao thiệp với đời.  
Nên đường lễ phép chưa người bảo ban.

Nhữ phạm đến thiên nhan chỉ-xích,  
Tội tày giới phẫn nghịch ai dong.

Đức vua nghe nói vừa song,  
Rằng xin cho biết tiên đồng ở đâu.

Tiên óng trở hang xâu màn cỏ,  
Trẻ thơ thường ở đó luyện đan.

Vua vừa rón rén cửa màn,  
Chợt trông Lộc-nữ dong-nhan tuyệt trần.

Liền truyền gọi cung-nhan thề-nữ,  
Đem nước hoa tắm rửa cho nàng.

Khoác ngay áo lila quần vàng,  
 Đền lên voi báu trống chiêng rước về  
 Nàng Lộc-nữ để mê tề tái,  
 Dạ bản khoăn lo hãi sượng sùng.  
 Bảy giờ Nam-quật tiên ông,  
 Trèo lên đỉnh núi ngóng trông theo nàng.  
 Lòng thương nhớ hai hàng lệ rỏ,  
 Này con ơi ! con có biết mà ?  
 Thời con mau trở về nhà,  
 Hang sâu rừng vắng cha già cậy con.  
 Càng trông ngắm núi non càng khuất,  
 Giận cho loài súc vật vô lương.  
 Thấy mùi chung đỉnh đế-vương,  
 Không thèm ngảnh lại đoái thương cha già.  
 Lòng tưởng nhớ đời ra phần uất,  
 Liền đọc câu chú mật hãm nàng.  
 Khiến nàng gập bước đầu sang,  
 Chẳng lâu lại bị bề bàng cố-dơn.  
 Câu thần-chủ quả nhiên linh nghiệm.  
 Lộc-nương vỡ lối điện nhà vua,  
 So bề quốc sắc thiên tư,  
 Cung phi thê-nữ chen đua kém nhiều.  
 Vì thế được vua yêu thân mật,  
 Phong cho làm đệ nhất phu nhân.  
 Tin di vạn quốc sứ-thần,  
 Dâu dáu cũng đến chúc mừng nhà vua.  
 Khắp dân chúng dâng đồ triều bái,  
 Thật cuộc vui thiên lai nhất thị.

(còn nữa)

Thái-Hòa

# XÁT HẠCH VÀ PHÁT PHẦN THƯỜNG CHO TẶNG HỌC SINH BỒ-ĐỀ

Về môn khóa năm thứ hai

---

---

Nguyên trường tặng học của hội mở đã được hai năm nay, có ba ban : Cao đẳng, Trung-dẳng và Sơ-dẳng. Ban Cao-dẳng học ở chùa Sở, còn Ban Trung-dẳng và Sơ-dẳng học tại hội-quán và chùa Bồ-đề. Vì muốn xét qua trình-độ lớp tiểu học sơ dẳng và định số cho lên lớp trên, nên năm nay ban Thiên-học mở kỳ sát hạch và phát phần thưởng cho học trò lớp ấy để khuyến khích.

## Việc sát hạch

Các vị Giám-khảo : Chủ khảo Hòa thượng Sở là Đốc-giáo ban Thiên-học. Phó chủ khảo, cụ Cử Dương-bá-Trạc biên tập báo Đuốc-Tuệ, Sơ khảo cụ Nguyễn-trọng-Thuật, biên tập báo Đuốc-Tuệ, cư-sĩ cụ Văn-quang-Thụy, Sư ông Uyên học sinh trường Đại-học và Sư ông Cuog học sinh trường trung học.

Trương chỉnh các kỳ thi như sau này :

*Kỳ đệ nhất 12 tháng chạp ta (31 Février 1939)*

Hán văn :	1 bài ám tả và vấn đáp	1 giờ
	1 bài dịch Hán văn ra quốc-ngữ	1 giờ
	1 bức thư thường dùng trong nhà chệ	1 giờ
Việt văn :	1 bài ám tả và vấn đáp	1 giờ
	1 bài luận	3 giờ
	4 bài ích	1 giờ

*Kỳ đệ nhị 13 tháng chạp ta*

Vấn đáp bằng chữ hán :	Quốc văn giáo khoa	15 phút
	Phật học giáo khoa	15 phút
Vấn đáp bằng tiếng ta :	Thủy-xám	15 phút
	Trang-quốc Phật-học-sử	15 phút



Thanh Di, tỉnh Kiến-an lớp Tiểu học được  
lông cộng số điểm 91

Thanh Phương, tỉnh Hà-nam lớp Tiểu học được  
lông cộng số điểm 85

## LỄ XÁT HẠCH PHÁT PHẦN THƯỜNG

Hạch thi các bài thi ở chùa Bồ-đề, còn kì diễn giảng và lập lễ nghi thi làm tại chùa Quán-sứ.

Ngày 18 trước khi những học sinh trúng cách vào khóa lễ, ban Thiền-học trần thiết lễ phát phần thưởng ở trước Phật điện. Hai bàn trong nơi để đồ phần thưởng có cụ Sở, chủ khảo, cụ lớn Chánh hội-trưởng Nguyễn năng Quốc, cụ Tuần Trần-văn-Đại, sư cụ Cồn, cụ Cử Dương-bá-Trạc, cụ Nguyễn-trọng-Thuật, mỗi ghế có gian quý danh từng cụ. Bàn thứ hai các vị thượng tọa ngồi chứng giám, bàn thứ ba, các học sinh tăng trúng hạch ngồi. Còn các bàn ghế khác, các vị thiện tín hoặc có chân ban Thuyền học và ban Tăng già Bảo chọe ngồi chứng lễ. Bàn nào cũng có một bình hoa tươi, trước điện Phật nguy nga trói lợi, các bông hoa nhuộm cườì một vẻ tươi tỉnh từ nhân, vui vẻ chín chắn.

Đúng 5 giờ, sau một hồi « kiêng », sư ông Cung dẫn những học sinh tăng trúng hạch và làm khóa lễ diễn tập Lễ làm tuy có kẻ lớn người bé, nhưng được đều một dịp, các đại đức, khảo quan đều khen. Đoạn, cụ Sở đứng lên nói công cuộc Thiền-học thành lập hai năm nay, nay mới khảo qua lớp tiểu-học đã có kết quả như vậy. Người rất vui mừng và Người khuyên anh em nên cố sức hơn lên. Tiếp đến cụ Chánh Hội-trưởng đứng lên nói mục đích hội Phật-giáo Bắc-kỳ là cốt nâng cao trình độ tặng học cho Chư-tăng sau này để có người hoằng dương đạo Phật làm lợi ích cho xã hội, Nên Cụ với ban Trị-sự hội đã cùng ban đạo sư chủ trương tổ

chức ban Thiên Học mà đào tạo cho thanh niên tăng. Nay trông những học sinh tăng trúng hạch kỳ niên khóa năm thứ hai này có nhiều các bác các chú còn ít tuổi mà coi ra lãnh lợi như thế, cụ rất có hi vọng.

Hai cụ ủy lạo xong, những học sinh trúng hạch ở Chú Năm bé nhất được nhiều điểm nhất về diễn giảng, đứng ra đọc chúc từ cảm ơn Hội Phật-giáo, Cụ Chánh Hội trưởng, Cụ Đốc giáo; thầy giáo các vị Đạo sư ban Thuyền-học; ban Tăng già Bảo trợ và giáo hữu đã giúp cho sự giáo dục và lương bổng ăn học, bài chúc từ sẽ đăng sau.

Bấy giờ Sư Cụ Sở cầm lấy từng phần thưởng đã có dính giấy danh sách từng người và theo lời sư ông Cung đọc số thứ tự danh sách mà đưa cho từng học sinh một. Sư Cụ đưa mỗi người, Ngái đều 2 tay nâng trao theo với một nụ cười đạo hạnh yêu đương hậu-tiến. Cụ nói việc này thực là mới có lần đầu trong tăng học xứ ta, Cụ khuyến miến từng bác từng chú một, nên chăm học hơn lên. Xem ra các thanh niên tăng được lĩnh thưởng cũng sung sướng không kém gì các thanh niên học sinh tại gia được lĩnh thưởng kỳ ngibi hè.

Phát thưởng xong, ban Thiên học đặt tiệc trà mời các vị chứng lễ và cho học sinh trúng hạch cũng dùng nước và bánh ngọt.

## THỜI SỰ

### TIN TRONG NƯỚC

#### Việc di dân

Ở Ninh-bình, cuộc di dân lên Lạc-thủy (lĩnh ấy) mà bản báo đã đăng từ vài tháng trước. Nay đã thành thôn ấp, dân-cư, vườn rau nương bắp xanh-xát, trong có tới 125 gia đình. Quan trên sẽ giúp cho dân, đàn bà con gái



nghề dệt vải, đã có non hai chục chiếc khung cửi để sẵn ở một chiếc nhà to. Đó là lời phóng viên báo Đông-Pháp đã tới thăm hôm vừa rồi. Quan trên sẽ dựng ở vùng « Đất mới » một ấp ước 900 gia đình nữa.

Yên-bái, dân Thái bình sẽ lại di dân lên ở khu rừng cấm Hòa-gia ước 900 gia đình, do quan trên đã định.

### Nhà đoan muốn hạn chế giồng thuốc láo

Theo Nghị-định năm 1935, Nhà Đoan định chỉ cho mấy làng ở tỉnh Kiến-an, tỉnh Thái-bình mà họ giồng thuốc láo đã lâu thành thói ngời được giồng như thường còn các nơi khác trong xứ Bắc-kỳ muốn giồng phải xin phép.

### Thuế gia tài (Thuế di sản)

Việc đánh thuế gia tài của người Việt-nam để lại cho con cái, kể kể tự hoặc tặng cho ai, đã được ban thường-lực đại hội nghị chuẩn y, đợi nghị định quan Toàn quyền duyệt y nay mai thì hành. Thuế này đánh vào những cái gia tài từ 10p000 trở lên.

### Cấm găng và dăng ten nhập cảng vào nước Pháp

Vài chục năm lại đây, dân Bắc kỳ mới thêm được cái nghề mới cho đàn bà, trẻ con vô nghệ nhà nghèo, do Pháp đem lại dạy cho. Vì hồi ấy người bèo Pháp làm không đủ cho trong nước dùng. Trước ít sau nhiều, nay lan rộng ra nhiều nơi thôn quê Bắc-kỳ học làm nghề ấy. Lấy công làm lãi, bọn nhà nghèo cũng kiếm được cơm ăn và khỏi cầu bơ cầu đất. Thị độ này tiếp được tin bên Pháp cấm không cho « găng » và « dăng ten » ở Việt-nam đem nhập cảng vào nước Pháp. Nguy, bọn dân đàn bà trẻ con dân nghèo này sẽ thất nghiệp. Nhưng nhà buôn và nhà chế « dăng ten » và « găng » lo thể và phân nản rằng, kể ra các nước khác như Mỹ cũng dùng nhiều « dăng-ten », người Tàu chế thứ ấy không hơn gì của ta mà bán sang Mỹ chạy lãi. Thế mà ta thì không được

bán đi nước khác. Lại ta cứ phải mua chỉ của Pháp để đan « đăng ten » mà giá chỉ Pháp đắt hơn của nước khác. Vậy nay lại cấm không cho bán vào đất Pháp thì thực là đưa họ vào đất chết. Bởi vậy họ đã nhờ ông Phạm-lê-Bông viện trưởng tư vấn Bắc kỳ lên yết quan Thống sứ ngày 3 Février đề tư về bên Pháp xin cho.

## VIỆC THẾ-GIỚI

### Việc nội loạn tây ban nha

Quân Phát-xít gần đây đã lấy được gần hết phía nam, phía tây nước Tây-ban-nha, 26 Janvier, quân Phát-xít lại hạ Bercelone, thế là toàn phía bắc giáp Pháp, quân Bình-dân mất hết Dân chạy sang Pháp lánh nạn đông lắm, hàng 9, 10 vạn, sau nhiều kẻ đã lục tục trở về. Nay còn một miếng đất lọt giữa đông biên là thành Catalogne của quân Bình dân thì bị quân Phát-xít áp đến, Tổng-thống Bình-dân là Azama đã phải chạy sang Pháp. Thành Seo de Urgel, quân Bình dân chút và quân Phát-xít đã vào thành. Bên chút họ cũng đốt phá rồi mới đi như lối hèn Tầu, lại còn nã trái phá vào thành nữa, không ấu dạp đỡ. Quân Bình dân nguy lắm. Dân Pháp xin Chính-phủ phái sứ giả sang với Phát-xít Tây-ban-nha. Sau hôm quân Phát-xít hạ thành Bercelone. Ý mừng reo lên, họ hô « kéo thẳng vào Paris kia » vì quân Phát-xít do Ý giúp, có quân chợ chiến của Ý. Nhưng Pháp không sòn đã dự bị để phòng mặt nam giáp Tây-ban-nha.

Hoa kỳ thấy Đức và Ý muốn phá cuộc hòa bình thế giới, lấy mình là bậc phú cường nhất thế giới ngày nay, và Anh Pháp cũng cố mới Mỹ dự việc Âu châu giữ hòa bình cho thế giới, ông Thống-lĩnh Mỹ tuyên ngôn bờ cõi Mỹ sẽ lời bờ sông Rin giáp nước Đức. Vì thế Đức đáng sẽ cùng Ý, Nhật giữ mình vì câu nói ấy. Ý thì nói, thế thì Chiến-tuyến Ý sẽ đến kênh Panama giữa châu Mỹ. Vài hôm sau ông Thống-lĩnh Mỹ cải chính lời nói trên là ông không nói thế, nhưng Mỹ vẫn giúp Anh Pháp. Mấy hôm nay vẫn đề đòi thuộc địa ở Đức, Ý thấy yên.

# HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Nguyễn văn Đuợc Rạch giá (70-99)	2\$00
Ngô thành Vinh Sóc-trang (76-99)	1.50
Võ văn Khoa Trà-vinh (76-99)	1.50
Lý xuân Hòa Saigon (36-99)	1.50
Dương minh Châu Huế (1.0-111)	0.80
Nguyễn văn Tôn Tourane (76-99)	1.50
Nguyễn quốc Quỳnh Hà đông (70-99)	2.00
Lê văn Ân Bắc ninh (76-99)	1.50
Đào văn Bút Sơn Tây (100-123)	1.50
Trương Sayen Đông triều (100-123)	1.50
Trần văn Trọng Phnom Penh (100-147)	3.00
Bà Pháo Nhung Thủ đầu một (100-123)	1.50
Phan văn Triều Châu đóc (53-76)	2.00
Nguyễn văn Tý Gò công (76-99)	1.50
Ngô hữu Chí Gò công (100-123)	1.50
Phan văn Cử Bến tre (53-100)	3.00
Madame Tải Bến tre (100-123)	1.50
Trần xuân Tích Tourcham (100-147)	3.00
Lê văn Hải Thanh Hóa (100-123)	1.50

## TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỔ

M. Nguyễn hữu Lan làng Bách-lộc, huyện Thạch-lộc, Sơn tây viên tịch ngày 1-11-1939.

Mme Phạm thị Tịnh, 35 Route Mandarine Hanoi, viên tịch ngày 3-12-1938.

Mme Đỗ thị Phương, 113 Phố Hàng Buồm Hanoi, viên tịch ngày 5-12-1938.

Đình công Xiển, Tuần phủ hưu trí xã Phương-lâm châu kỳ sơn, Hòa bình viên tịch ngày 18 tháng 10, năm Mậu-dần.

## CẢI CHÍNH

Trao 45 Mục thời sự, Thuế gia sản 10 nghìn đồng trở lên mới phải đóng thuế, thợ in sắp nhằm là 10p000 xin cải chính.

## PHẢI BIẾT ĐƯỜNG TU

Không phải nói nhiều lời, chắc ai cũng biết rằng làm người ở cõi đời này, tu được là khó lắm. Từ trong chi ngoài, từ gần chi xa, nhân duyên cảnh giới nhất nhất đều không tốt cả, nào kẹt thuyết công lợi làm chìm đắm lòng người, nào sinh nhai khổ khổ, làm khổ-bại thân người. Thân lao-lực, tâm mê man, như thế còn biết đường nào mà tu nữa! Vì thế nên đức Thích-ca ta cũng phải phân nàn rằng cái đời ta đây là đời ngũ-trược, khó tu hành lắm, mà cũng vì sự khó ấy nên Ngài mới mở cho ta một con đường tu rất phương tiện, rất nhiệm mầu, dùng công ít mà kết quả nhiều, đi nhân nhĩ mà mau tới đích. Đó là phép gì vậy? — Tức là phép tu Tịnh-độ vậy. Tu Tịnh độ, nói ra ai, cũng coi là tầm thường, có biết đâu cái chỗ thường ấy mới là đạo, mới là cái đạo rất thần kì vậy. Muốn rõ phép tu mầu nhiệm ấy, tôi xin giới thiệu cùng các ngài Phật tử một bộ

## LONG THƯ

## TỊNH ĐỘ

Trước bán giá 1\$00, nay đã in lại, có sửa kĩ lưỡng, và thế cái lòng Phật tử từ tế chúng sinh, chúng tôi chỉ bán lấy bốn hào 0\$40 một bộ, lấy đủ tiền giấy để lại ấn hành kinh khác mà thôi. Một bộ sách mười quyển đóng làm một tập, trong bao hàm hồ hết giáo pháp nhiệm mầu, vạch tỏ con đường Tây-phương cực lạc, như thế coi trên bàn tay, bất luận là người hạng nào, bất luận ở cảnh-địa nào, cũng đều tu được hết, cũng đều giải thoát được khổ não hết, thực là một cái bè từ đưa người về Ni-giác vậy. Ngài nào phát tâm mua từ mười bộ trở lên để tặng cho bà con, xin tịnh 0.30 một bộ, để cho pháp-âm trống tuyên-lưu vậy (Ở xa xin gửi mỗi bộ thêm 6 xu cước).

*Nay kính cáo*

Thứ và mandai xin gửi cho

M. Nguyễn-hữu Kha 73 Richaud Hanoi.